

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH**

---

**HUỲNH QUÁN CHI**

**THƠ NHO VIỆT NAM  
TỪ GIỮA THẾ KỶXIV ĐẾN  
GIỮA THẾ KỶ XV**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam  
Mã số : 62 22 34 01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN**

**Thành phố Hồ Chí Minh - 2010**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh**

*Người hướng dẫn khoa học:*

1. PGS. MAI CAO CHƯỜNG
2. PGS-TS. ĐOÀN THỊ THU VÂN

Phản biện 1: PGS-TS. TRẦN NHO THÌN

Phản biện 2: PGS-TS. ĐOÀN LÊ GIANG

Phản biện 3: PGS-TS. LÊ THU YẾN

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp Trường tại: **Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh**

Vào hồi giờ 8 giờ 30 ngày 09 tháng 10 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh.
3. Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
4. Thư viện Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

## **DANH MỤC TÀI LIỆU CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN VỚI LUẬN ÁN**

1. Huỳnh Quán Chi, **“Từ văn hoá –văn học góp phần xác lập hệ thống phạm trù triết học Cổ trung đại Việt Nam”**, *Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh, Số 25 tháng 01/2001*).
2. Huỳnh Quán Chi, **“ Tư tưởng Upanishad trong một bài thơ thiền”**, *Tập san Khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh, số 32 tháng 9/2005*.
3. Huỳnh Quán Chi, **“Văn hoá Nho gia và hiện tượng thâm nhập của Pháp gia, Mưu lược gia”**, *Tuyển tập Báo cáo khoa học 30 năm xây dựng và phát triển trường Đại học Sư Phạm 1975-2005, Đại học Đà Nẵng, 2005*.
4. Huỳnh Quán Chi, **“Tìm hiểu thơ Thiền Việt Nam hiện đại”**, *Nguyệt san Giác Ngộ, số 150 tháng 9/2008*.
5. Huỳnh Quán Chi, **“Thơ Thiền và thơ Nho Việt Nam - sự khác biệt về cái nhìn, tư duy, con người”**, *Nguyệt san Giác Ngộ, số 154 tháng 01/2009*.
6. Huỳnh Quán Chi, **“Giọng điệu cao siêu trong thơ Nho Việt Nam giữa thế kỷ XIV – giữa thế kỷ XV”**, *Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh, số 17 tháng 7-2009*.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài – mục đích nghiên cứu

Sự tồn tại của hai hệ tư tưởng Thiên và Nho đã góp phần tạo nên sự tồn tại của hai loại hình thơ ca. Đó là thơ đằm vị Thiên và thơ mang hơi thở văn hóa Nho. Văn học Việt Nam giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV khá phức tạp với sự chuyển đổi, kế thừa giữa hai mạch thơ, thơ Nho và thơ Thiên. Đây cũng chính là gợi mở quan trọng cho việc nghiên cứu thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV. Vấn đề đặt ra là thơ Nho trong khoảng một thế kỷ ấy có vai trò và ý nghĩa ra sao đối với tiến trình phát triển của dòng thơ này thời trung đại.

Đề tài được chọn để làm rõ những đặc điểm của một thế kỷ thơ Nho trong khi thơ Thiên từng bước thu hẹp lại đồng thời thơ Nho dần dần chiếm vị trí độc tôn.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là tìm hiểu về khoảng một thế kỷ thơ Nho từ nguồn gốc phát sinh, cơ sở hình thành đến diện mạo, đặc điểm nội dung, nghệ thuật nhằm đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu thơ văn các nhà nho Việt Nam.

### 3. Lịch sử vấn đề

Nghiên cứu về thơ Nho nói chung vốn đã được đề cập đến trong quá khứ qua một số phương diện và mức độ khác nhau.

Trước tiên, các công trình sưu tập như *Việt âm thi tập* (Phan Phu Tiên), *Tân san Việt âm thi tập* (Chu Xa, Lý Tử Tấn), *Trích diễm thi tập* (Hoàng Đức Lương), *Toàn Việt thi lục* (Lê Quý Đôn), *Hoàng Việt thi tuyển* (Bùi Huy Bích)... đều ít nhiều đề cập đến “thơ Nho”. Các nhận định phê bình từ *Truyền kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ) đến *Vân đài loại ngữ* (Lê Quý Đôn), *Lịch triều hiến chương loại chí* (Phan Huy chú), *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ)... cũng có những ý kiến thú vị có liên quan đến thơ Nho. Tiếp đó, Phan Kế Bính, Trương Vĩnh Ký, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Hoài Thanh... và các công trình nghiên cứu lịch sử văn học (dựa trên cơ sở giai đoạn, thế hệ, trường phái...) đều có một số ý kiến liên quan đến thơ Nho.

Công trình *Lịch sử văn học Việt Nam* (Lê Hữu Mục) chia văn học cổ Việt Nam thành ba trường phái: Trường phái văn học “Thiên tông” (thế kỷ XI – XIII), trường phái văn học “Cổ điển” (thế kỷ XIV – XVI), trường phái văn học “Nôm na” (thế kỷ XVII – XIX). Trường phái “Văn học cổ điển” ở đây là văn học nhà nho. Các công trình lịch sử văn học đều ít nhiều đều quan tâm đến thơ văn nhà nho.

Bên cạnh đó, vấn đề “ảnh hưởng của Nho giáo đối với văn học Việt Nam, văn học nhà nho” cũng rất quan trọng. Trong đó, những bước đi đầu có thể kể đến là quyển *Tâm lý và tư tưởng của Nguyễn Công Trứ* (Nguyễn Bách Khoa) (1944). Có lẽ tác giả là người đầu tiên dùng khái niệm “nhà nho tài tử”.

Các công trình nghiên cứu về văn học Nho giáo như: *Nho giáo và văn học Việt Nam Trung cận đại* (Trần Đình Hượu) (viết từ 1964), *Loại hình học tác giả văn học, nhà nho tài tử và văn học Việt Nam* (1995), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung* (Trần Ngọc Vương) (1998), *Ý thức văn học cổ trung đại Việt Nam* (Đoàn Lê Giang) (2001), *Văn học Trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* (Trần Nho Thìn) (2003)... đã gợi mở nhiều phương diện về thơ của các nhà nho. Ở Việt Nam, “thi luận” của Nho gia được nhiều nho sĩ, nhiều tác giả thơ nho đề cập đến. Gần đây, một số công trình về vấn đề này có thể kể đến “*Quan niệm văn học (và mỹ học) của phái Nho gia*” trích trong *Tinh hoa lý luận văn học cổ điển Trung Quốc* (Phương Lựu); phần “*Sự tiến triển của quan niệm Nho gia chính thống*” trong *Cấu trúc và lịch sử của lý luận văn học cổ điển Trung Hoa* (Phương Lựu). Qua đó, các tác giả tìm ra những cơ sở phương pháp luận, những kinh nghiệm tiếp cận vấn đề.

Những gợi ý đó vốn được sử dụng với những mục đích nghiên cứu khác nhau nhưng cũng là những kinh nghiệm, những ý kiến quan trọng trong nghiên cứu thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV- giữa thế kỷ XV.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu chính của luận án là thơ Nho Việt Nam trong khoảng một thế kỷ (từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV).

Thơ Nho Việt Nam là thơ của các nhà nho Việt Nam, chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo, cảm hứng Nho giáo, quan niệm thẩm mỹ Nho giáo.

Ở luận án, thơ Nho được nghiên cứu trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV. Luận án được nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ diện mạo, đặc điểm của nó trong một thế kỷ này.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong luận án, một số phương pháp khoa học được vận dụng tương ứng và phù hợp với từng trường hợp.

Phương pháp Lịch sử - xã hội và phương pháp Liên ngành được dùng cho chương 1. Phương pháp Phân tích - tổng hợp và phương pháp Liên ngành được dùng cho chương 2. Phương pháp vận dụng Thi pháp học thể hiện ở chương 3.

### **6. Đóng góp mới của luận án**

Thành quả nghiên cứu của Luận án *Thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV* có một số đóng góp nhất định trong lĩnh vực khoa học và thực tiễn.

- Ý nghĩa khoa học: Qua những cố gắng nghiên cứu thơ Nho, luận án đi vào tìm hiểu đặc điểm khoảng một thế kỷ thơ Nho từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV.

- Ý nghĩa thực tiễn: Việc nghiên cứu thơ Nho giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV về nội dung và nghệ thuật sẽ đóng góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử văn học giữa thế kỷ XIV- giữa thế kỷ XV cũng như thơ ca giữa thế kỷ XIV - giữa thế kỷ XV.

### **7. Cấu trúc luận án**

Luận án gồm: Phần mở đầu, phần nội dung chính (có ba chương), phần kết luận, tài liệu tham khảo.

**Chương 1. Những vấn đề chung của thơ nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV** (Từ trang 20 đến trang 85).

Đây là chương xác lập khái niệm *thơ Nho Việt Nam*; bối cảnh lịch sử, diện mạo thơ Nho giữa thế kỷ XIV – giữa thế kỷ XV. Trên cơ sở đó, chúng tôi phác họa con đường vận động của thơ Nho trong thời gian này.

**Chương 2: Những cảm hứng trong thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV (Từ trang 86 đến trang 122).**

Chương này trình bày những cảm hứng chủ đạo của thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV - giữa thế kỷ XV.

**Chương 3: Một số phương diện thi pháp của thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV (Từ trang 124 đến trang 174).**

Chương này nghiên cứu về thể loại, ngôn ngữ, giọng điệu, hình tượng con người, không gian – thời gian trong thơ Nho thời gian này.

## **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA THƠ NHO VIỆT NAM GIỮA THẾ KỶ XIV ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XV**

### **1. 1. Về khái niệm “thơ Nho”**

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là thơ Nho Việt Nam trong thời gian giới hạn từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV.

Việc xác định đối tượng và phạm vi nghiên cứu này có liên quan đến một số khái niệm khác như *Nho học*, *Nho gia*, *nho sĩ*, *thơ Nho*, *thơ nhà nho*, *thi luận Nho gia*... *Nho học*: một học phái quan trọng thời cổ đại ở Trung Quốc. Về sau, Nho học trở thành tư tưởng chính trị chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc và một số nước lân cận. Nho học lấy tư tưởng Nhân nghĩa (Trung thứ) làm hạt nhân. *Nho gia*: chỉ phương diện học phái của *Nho học*; ở Việt Nam, nó còn bao hàm nghĩa *Nho sĩ* (nhà nho). *Nho sĩ*: người thời xưa theo *Nho học* hay có khi chỉ trí thức ở các nước chịu ảnh hưởng Nho học. *Thơ Nho*: khái niệm xuất hiện trong tương quan so sánh với thơ Thiên. Trước hết nó được xác định là phần lớn những tác phẩm thơ sáng tác trong thời gian từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV ở Việt Nam. *Thơ Nho* là thơ của các tác giả nhà nho chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo, quan niệm văn học Nho giáo, cảm hứng Nho giáo. Do đó, *Thơ Nho* không hoàn toàn đồng nhất với *thơ nhà nho* vì ở *thơ nhà nho* có khi xen lẫn cả cảm hứng Thiên hoặc Lão – Trang.

Ở Trung Quốc người ta còn dùng đến khái niệm *Thi luận* (ví dụ “*Trung quốc thi luận sử*”, “*Khổng Tử luận thi và Khổng Tử thi luận*”...). Đó là kho tàng những lý luận thơ ca, những quan niệm về thơ. Thi luận chính thống của Nho gia Trung Quốc thường được nhắc đến qua những quan niệm và lý luận thơ ca của Khổng Tử, Tuân Tử, Mạnh Tử, Lưu Hư, Mao Hanh - Mao Trành, Trịnh Huyền, Lưu Hiệp, Đỗ Phủ,... Trong đó, phần lớn là những ý kiến mang tính chất kinh điển.

Chọn lọc những tác phẩm thơ trong thời gian khoảng một thế kỷ này, trước hết cần chọn những tác phẩm chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho. Những tác phẩm của các nhà nho nhưng có tư tưởng Thiên hoặc Lão – Trang khá rõ như *Đình Thủy vương công* (Chu An), *Lễ Đẻ sơn* (Lê Thiệu Dĩnh), *Du Nam Hoa tự*, *Thu dạ khách*



*cảm, Tiên Du tự, Mộc cật* (Nguyễn Trãi), *Tạp hứng-2* (Lý Tử Tấn), *Thuật chí* (Lý Tử Cầu)... khó có thể xếp vào thơ Nho.

Tuy vậy, trong thực tế có khá nhiều trường hợp các yếu tố Nho – Lão – Phật đan xen, trộn lẫn trong bản thân người nho sĩ và trong sáng tác của họ. Sự thâm nhập và hòa tan vào nhau này khá phức tạp tùy thuộc vào từng tác giả và tác phẩm khác nhau. Thơ Nho có những tính chất chung của yếu tố “Nho” nhưng đậm xúc cảm, suy nghĩ của người Việt.

Để xác định đặc điểm nội dung và nghệ thuật của *thơ Nho*, nhiều vấn đề được đặt ra. Xác định khác biệt giữa thơ Nho và thơ Thiền cũng góp phần xác định đặc điểm thơ Nho thời gian này.

## **1.2. Diện mạo thơ nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV**

### **1.2.1. Sự hình thành thơ Nho**

#### *1.2.1.1. Sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo*

Nho giáo truyền đến Việt Nam, ảnh hưởng đến nhiều mặt của văn hóa Việt Nam. Nó cũng ảnh hưởng đến các thể loại văn học Việt Nam thời trung đại, trong đó có thơ ca.

Nho giáo được truyền vào Việt Nam từ đầu thời Bắc Thuộc (cuối đời Tây Hán). Cuối thời Bắc thuộc, từ thời thuộc Đường (618-905) về sau, nội dung Nho giáo ở Việt Nam có mở rộng hơn. Sau khi chiến thắng giặc Nguyên, mô hình điền trang thái ấp đã không phát huy được sức lao động và ruộng đất canh tác. Một số hiện tượng tiêu cực xã hội diễn ra, tầng lớp nho sĩ phát triển ... Cũng vì thế, Nho giáo dần dần thay vị trí của Phật giáo và đi đến độc tôn. Thời Văn Trần (nửa cuối thế kỷ XIV), tương ứng các triều vua từ Trần Dụ Tông (1341-1369) về sau, Nho giáo đã vươn lên mạnh mẽ và khẳng định vai trò lịch sử của mình. Những nhân vật tiêu biểu thời này là Chu An, Trần Nguyên Đán, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Chu Đường Anh... Nếu nói thời gian này Nho giáo ở nước ta là Tổng nho thì đó chỉ là khái quát. Yếu tố Việt đã có ảnh hưởng đáng kể bởi bốn nguyên nhân: Thứ nhất là ảnh hưởng của tư tưởng dung hòa tam giáo thời Trần. Thứ hai là tư tưởng bài Tống nho ở triều Trần – Hồ. Thứ ba là tư tưởng khôi phục văn hóa khoan hòa tam giáo thời Lê sơ. Thứ tư là những quan niệm thi luận về “ngôn chí” của thời gian này (Phan Phu

Tiên, Lý Tử tấn, Hoàng Đức Lương, Nguyễn Trãi...) phản ánh một phần tính chất ảnh hưởng của Nho giáo đến thơ Nho. Những quan niệm thi luận này đã được xác định là “tương đương với lý luận thơ ca cổ Trung Hoa từ đời Đường về trước” (Phương Lưu).

Thời Hồ và Hậu Trần, Nho giáo đã thay thế vị trí Phật giáo. Nho giáo đi vào độc tôn và ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính trị xã hội nước ta. Những nhân vật tiêu biểu thời gian này là Hồ Quý Ly, Đặng Dung, Nguyễn Phi Khanh... Thời Khởi nghĩa Lam Sơn - Lê sơ, Nho giáo tiếp tục giữ vị trí cao và ổn định. Những nhân vật nho sĩ quan trọng thời gian này là Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, Lý Tử Tấn... Triều nhà Hồ, nhà Lê, Nho giáo đã trở thành lý thuyết chính trị, đạo đức xã hội, nội dung giáo dục, thi cử...

Quan niệm văn học, nghệ thuật thi ca cũng không nằm ngoài trường ảnh hưởng của Nho học. Từ sự sùng thượng học thuyết Nho giáo, sự lớn mạnh của tầng lớp Nho sĩ đến sự phát triển của thơ Nho là xu thế tất yếu.

#### *1.2.1.2. Quá trình hình thành thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV*

Đời Trần, thơ Nho từng bước phát triển và hoàn thiện song song với quá trình phát triển của thơ Thiền (khoảng 50 tác giả vào cuối đời Trần). Số lượng tác giả – tác phẩm thơ Nho ngày càng nhiều. Có thể thấy cuối đời Trần các thế hệ nho sĩ Chu An – Phạm Sư Mạnh – Lê Quát... đã ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa đương thời. Hàn Thuyên được đánh giá như là người mở đầu một phong trào cải cách văn hóa. Nhiều văn tập – thi tập đã ra đời trong thời gian này. Nội dung các thi tập đã để lại dấu vết Nho giáo và tính “Việt” đậm nét. Lúc này, thơ Nho từng bước có diện mạo, định hình (nhất là vào nửa sau thế kỷ XIV). Giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV là một thế kỷ thơ với những thành tựu đáng kể. Tuy là thành tựu ban đầu nhưng nó phản ánh gần như trọn vẹn những đặc điểm cơ bản của dòng thơ này về nội dung cũng như nghệ thuật. Nó trong sáng, tích cực và phản ánh đúng lý tưởng của người nho sĩ chân chính, lý tưởng thẩm mỹ Nho học trong thi ca. Nổi bật ở đây, Nguyễn Trãi là đỉnh cao của thơ Nho giai đoạn này.

Bằng những phương thức, những điều kiện, những mối tương tác khác nhau, văn hóa phương Bắc đã tác động đến thi ca các nước trong khu vực với một mục đích riêng. Nhưng lợi dụng điều này, các thế hệ thi nhân nước ta đã truyền vào đó dòng chảy của văn hóa Việt để xây dựng cho nước mình một trào lưu thơ ca ngang tầm thời đại, có bản sắc riêng, có thể sánh vai các truyền thống thi ca khác trong khu vực.

### **1.2.2. Lực lượng sáng tác**

Loại hình tác giả thơ Nho chủ yếu là các nhà nho. Họ là những người được học tập, đào tạo bằng chương trình Nho học, lấy những tri thức của Nho giáo làm cơ sở nhận thức tự nhiên, xã hội và bản thân. Các tác giả thơ Nho đã sáng tác thơ ca dựa trên những quan niệm văn học, mỹ học mang màu sắc Nho giáo.

Trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV, dựa theo các tác phẩm như *Thơ văn Lý Trần* (tập 3), *Hoàng Việt thi tuyển*, *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 4,5), có thể thấy lực lượng sáng tác khá đông đảo, đến khoảng 65 tác giả. Số lượng tác phẩm thơ Nho thời gian này cũng rất cao: *Thơ văn Lý Trần* (tập 3) có 301 bài/ 39 tác giả. *Hoàng Việt thi tuyển* (chọn thời Lê đến giữa thế kỷ XV) có 61 bài/ 25 tác giả.

Nhìn chung, số tác giả - tác phẩm thơ Nho ngày càng tăng lên. Hiện tượng này phản ánh một thời hưng thịnh của thơ văn nhà nho. Đồng thời, nhiều tác giả thơ Nho được xem là những danh nho tiêu biểu, mẫu mực cho mọi thế hệ nho sĩ Đại Việt.

### **1.2.3. Những đề tài chủ yếu của thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV**

#### *1.2.3.1. Thơ nói “chí” của nhà nho*

Văn học nhà nho nói chung rất xem trọng mệnh đề “ngôn chí”. Theo tình hình chuyển biến của Nho học ở các nước, những quan niệm Nho học được cấu trúc lại, cải biến và vận dụng với ý thức dân tộc và khát vọng độc lập về chính trị – văn hoá – văn học đối với Trung Quốc. “Chí” trong thơ Nho Việt Nam cũng vì thế mà khá phức tạp.

“Thơ nói chí” là chủ đề cơ bản của thơ Nho. Nhưng “chí” là gì và “chí” trong thơ Nho ra sao, vẫn có nhiều phương thức xác định

khác nhau. Thơ nói chí theo nghĩa kinh điển Nho gia là hướng về đạo, đức, nhân... Chí vốn có nguồn ở tâm nhưng là cái phù hợp với đạo lý. Chí không chỉ là chí hướng mà còn là năng lượng bền vững của hành động hợp đạo lý. Chí có thể là tình nhưng là dạng thức tình cảm tích cực, hướng đến lý tưởng cao đẹp. Tình cảm đó lưu giữ trong tâm, khi gặp điều kiện – “tức cảnh” – sẽ phát sinh thi hứng và sáng tạo nên thơ ca. Phan Phu Tiên đã viết: *"tâm hữu sở chí tất hình ư ngôn. Có, thi dĩ ngôn chí dã"* (Tựa *"Việt âm tân san thi tập"*). Trường hợp này, “Chí” được các nhà Nho nước Việt thể hiện như là các dạng chí hướng của người thi sĩ. Có nhiều dạng chí hướng, có chí hướng sửa sang chính sự, ngăn đạo đức không xuống cấp, có chí ở chốn sơn lâm...

Từ nội dung có liên quan đến “chí”, nhà thơ quan tâm đến thực trạng xã hội như một đối tượng để hoàn thiện “chí”. Thực hiện “chí”, “đạo” là để giúp dân sống tốt hơn, hạnh phúc nhiều hơn.

#### 1.2.3.2. Thơ bộc lộ tình cảm trắc ẩn của nhà nho

Thơ Nho vừa bày tỏ chí (gôn chí) nhưng cũng là tỏ tình (ngôn tình). Đó là những tình cảm phức tạp và phong phú của thi sĩ Việt Nho. Trong đó, những tình cảm trắc ẩn là khá tiêu biểu.

Càng về cuối đời Trần, giọng thơ hùng tráng càng giảm đi và để lại cho thơ những tâm sự ưu ái sâu kín. Thậm chí, điều đó đã thể hiện trong thơ của những thi sĩ đã bước vào ần dật như Chu An, hay có khuynh hướng ần dật lúc cuối đời như Trần Nguyên Đán... Chứng kiến cảnh đói kém và chiến tranh, nhà thơ tái hiện lại bức tranh hiện thực trong sự đồng cảm với nỗi đau của nhân dân: *"Vạn quốc dân sinh phí đỉnh ngư"* (Muôn nước dân sinh cá vạc sôi), để lúc trở về giấc ngủ chẳng yên: *"Qui chu vị ổn giang hồ mộng, Phận thủ ngư đăng chiếu cổ thư"* (Thuyền về trần trọc khôn yên giấc, Mượn ánh đèn chài giở sách coi") (Dạ qui chu trung tác – Trần Nguyên Đán - Bản dịch Hoàng Việt thi văn tuyển). Ở trong nước, chiến tranh ám ảnh cuộc sống bình yên, *"Bình qua huông phục điêu tàn hậu, Giao vọng tình mãn nhất khái nhiên"* (Huông lại điêu tàn sau lửa chiến, Vời trông trời lạnh ngậm ngùi vương") (Thu thành viễn vọng - Nguyễn Phi Khanh). Nhưng cảm động hơn, đó là khi thi nhân chuyển bài thơ cứu nạn

cho dân về triều lúc bệnh nặng: “*Hảo bả tân thi đương tấu độc, Chỉ kim ngoạ bệnh vị năng triều*” ( *Thơ mới này dâng thay bản tấu, Vì đang nằm bệnh chữa về triều*). Ở bài thơ sau đây, tình trạng bi thảm cũng không kém: “*Đạo huê thiên lý xích như thiêu*” ( *Mênh mông đồng lúa đỏ như thiêu*) ( *Thôn cư cảm sự... – Nguyễn Phi Khanh - Đào Phương Bình dịch*). Những tình cảm như thế này biểu hiện khá phong phú trong thơ Nho.

Nỗi đau của nhà thơ không riêng cho bản thân mà còn cho thời thế khi sống những năm cuối cùng của triều Trần. Bài *Thu dạ* có lẽ là bài thơ buồn nhất trong các bài thơ của Phạm Nhân Khanh. Tiếng thơ là tiếng nhịp thời gian rất chậm, tiếng dế ni non trong cảnh vật, cỏ cây xơ xác: “*Nhân gian thử cảnh kham trừ trưởng, Thùy thị bình sinh thiết thạch trường*” ( *Người đây cảnh đấy thêm rầu rĩ, Sắt đá lòng đâu giữ được dài*) (Phạm Nhân Khanh) (Trần Lê Sáng dịch). Bài thơ chứa giọng điệu buồn thương và nỗi buồn sâu lắng. Nhìn chung, khá nhiều bài thơ có giọng điệu như thế được tìm thấy trong thơ Nho.

#### 1.2.3.3. *Thơ bộc lộ tình cảm cô đơn của nhà nho*

Bên cạnh lòng trắc ẩn, trong thơ nho còn kín đáo chứa tâm sự cô độc, những nỗi buồn riêng tư, sâu lắng của thi nhân.

Đó là những đau thương về cuộc sống trôi giạt, chiến tranh, những khổ lụy chốn quan trường, những mất mát chia lìa.

#### 1.2.4. **Cái tôi trữ tình trong thơ Nho**

Hoàn toàn khác với cái tôi cá nhân trong thơ lãng mạn thế kỷ XX, vấn đề ở đây thuộc về cái tôi cổ điển trong thơ Nho.

Cái tôi nhà nho trong thi ca bao giờ cũng xuất phát từ đặc điểm “giao - cảm”. Giao - cảm với tư cách là một phạm trù mỹ học cơ bản; có “giao - cảm” mới có cảm hứng sáng tác. Vì vậy, cái tôi nhà nho không quay lưng với cuộc đời, kể cả những ảm sĩ. Truyền thống thơ Nho gắn chặt cuộc đời với lòng “ưu ái”, với mối tình đời sâu nặng.

Nhà nho nhập thế là những trí thức xã hội dấn thân vào cuộc đời, tích cực vì xã hội... Thơ ca của họ đi đến mọi nẻo đường, mọi tâm hồn, cảnh ngộ: những ngã rẽ khói bụi trên đường đời (*Hạ Tóng, Lê Đỗ tam ngữ sử- Nguyễn Phi Khanh*), chiếc cầu

ngập nước trong thôn xé bóng (*Vãn hưng* - Nguyễn Trãi), nỗi buồn chiến tranh (*Thu thành văn vọng, Ty sơn hữu cảm...* - Nguyễn Phi Khanh), đời sống khó khăn – đường vắng người (*Cửu nhật thôn cư độc chúc*, Nguyễn Phi Khanh), cảnh đói khổ bị vợ vét (*Thôn cư cảm sự...* – Nguyễn Phi Khanh), khóc ngày giỗ mẹ (*Cam Châu giang trung...* – Lê Cảnh Tuân)...

Dấu vết cái tôi cô đơn đã có trong thơ Nho giữa thế kỷ XIV – giữa thế kỷ XV. Chữ “thân” không đợi đến Nguyễn Du sử dụng, những nhà nho những thế kỷ trước đã dùng cho ý thức bản thân. Trần Khánh trước thặng trầm mờ mịt đã đặt câu hỏi nghẹn ngào không lời đáp, “*Hà sự đồ lao bách tuế thân*” (*Đày đọa làm chi mãi tám thân*) (*Bất như ý*). Nguyễn Trung Ngạn ý thức được sự chìm nổi vô định của con người trách vụ khi đã chọn lý tưởng kẻ sĩ: “*Phiêu đãng bồng bình khách, Yên lưu khuyến mã tình*” (*Lênh đênh như bọt như bèo, Thân còn nấn ná bởi đeo nặng tình*) (*Dạ toạ*). Nguyễn Trãi nếm vị đắng và hiểm họa “công thân bị hại” sau bao năm tận tụy. “*Ta dư cửu bị nho quan ngộ*” (*Thân ta bị cái mũ nhà nho làm làm lỡ*) (*Đề Từ Trọng Phủ Canh Ân đường*). Những tâm sự đó vẫn tiếp nối ở các thế hệ sau.

Hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ Nho rất dễ cảm thông và trân trọng. Vì vậy, thơ Nho giai đoạn này đã mang lại cho các thế hệ sau những cảm hứng riêng.

### **1.2.5. Một số khác biệt giữa thơ Nho và thơ Thiên**

#### *1.2.5.1. Sự khác biệt của thơ Nho và thơ Thiên ở một số quan niệm*

Có thể so sánh thơ Nho – thơ Thiên qua các quan niệm như Thế gian – Xuất thế gian (Bản thể luận), Đạo - đời (Giải thoát luận), các quan niệm triết luận cơ sở (Thiên, Lý, Trung...), các tiêu chuẩn cơ bản (Cao, Hùng, Thâm, Tri âm...). Những quan niệm khá phong phú của hai dòng thơ đã phân định khá rõ hai loại hình thi ca.

#### *1.2.5.2. Sự khác biệt giữa thơ Nho và thơ Thiên về phương thức tư duy*

Thơ Nho và thơ Thiên khác nhau về phương thức tư duy. Ở đây, thơ Nho là dòng ý thức trữ tình xoay quanh những phạm trù như Nhân, Nghĩa, Trung, Hiếu... “*Nhân, nghĩa, trung cần giữ tích*

ninh” (*Bảo kính cảnh giới, 4 - Quốc âm thi tập*). Ở thơ Thiền, đó là dòng ý thức không biên giới, không cố chấp, không phân biệt... “*Nhược nhân yếu thức tu phân biệt - Lĩnh thượng phù sơ tỏa mộ yên*” (*Ví người hiểu lẽ không phân biệt - Núi phủ mây chiều cây cỏ tươi*) (Thiền sư Bảo Giám) (*Thiền uyển tập anh*). Tư duy Thiền là thường xuyên liên tục ý thức, tự ý thức (quán) về bản thể từng phút giây, từng khoảnh khắc (sát - na). Hơn nữa, đó là sự ý thức về vũ trụ, thiên nhiên, cảnh vật và vô chấp những sự vật, cảnh vật ấy. Các thiền sư Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Chân Không, Tuệ Trung thượng sĩ... đã phản ánh bản thể trong từng hiện tượng tự nhiên...

Tư duy Nho là sự thường xuyên ý thức về đạo, đức, lý, thiện – ác, công – danh, tu – tề – trị – bình, xuất – xử... Đặc biệt, nó xem trọng con người, xem trọng những chuẩn mực xã hội, chuẩn mực của khuôn mẫu xã hội ổn định. Nguyên nhân sự khác biệt của thơ Thiền và thơ Nho là sự khác biệt về cái nhìn của nho gia và thiền gia.

Những chủ trương mang tính định hướng của các triều đại phong kiến đã tác động đến mọi mặt tâm lý xã hội từ cái nhìn, nếp nghĩ, cách đánh giá và cả tư duy sáng tạo – tiếp nhận nghệ thuật. Thơ Nho nhìn chung chịu ảnh hưởng của những quan niệm và phương thức tư duy nghệ thuật Nho gia. Những tác động của Nho giáo đến thơ Nho như một động lực nhưng cũng đồng thời đem lại một số điểm hạn chế nhất định cho nền thơ ca này.

### **1.3. Mối quan hệ giữa Nho giáo và thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV**

Mối quan hệ Nho giáo và thơ Nho Việt Nam là cơ sở quan trọng khi khảo sát thơ Nho Việt Nam giữa thế kỷ XIV- giữa thế kỷ XV. Mối quan hệ này rất phức tạp trong nhiều phương diện của thơ Nho.

Tư tưởng Nho giáo là cơ sở phát sinh quan niệm nghệ thuật Nho giáo. Trước tiên thi ca các Nho sĩ là biểu hiện của tư tưởng, tình cảm, tâm tư của nho sĩ. Nhưng điều đó còn tùy thuộc vào thái độ lựa chọn của nhà nho, thế đứng của tác giả đối với Nho học, cũng như quan niệm của từng nho sĩ đối với văn học nghệ thuật,

đôi với cái đẹp. Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào phương thức tư duy nghệ thuật của từng tác giả, tùy thuộc vào bối cảnh văn hoá Nho giáo mà tác giả đang sống. Nó không loại trừ những tư tưởng đi trước thời đại và cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ.

### **1.3.1. Mối quan hệ Nho giáo và thơ Nho xét từ góc độ triết học Nho giáo**

Trước hết nó thể hiện ở mối quan hệ giữa “đạo” và “văn”. Những nhà nho cố gắng đưa quan niệm “văn” sang một vị trí riêng, tạo khoảng cách đáng kể so với dạng thức thuần túy tải đạo. Những quan niệm mới đó làm cho văn học thêm đậm màu sắc nghệ thuật.

Giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV ở Việt Nam, Nho giáo vừa mới chiếm địa vị tư tưởng chủ đạo toàn xã hội nên chỉ thể hiện một số phương diện của mối quan hệ tất yếu Nho giáo - văn học. Nho giáo đem lại cho văn học một số đặc điểm nhất định trong nội dung sáng tác. Văn học có thể được sáng tạo bằng kiểu tư duy nghệ thuật Nho giáo nhưng chủ yếu vẫn phản ánh tâm tình của người nho sĩ trước thời thế, ngoại cảnh. Nhà thơ có vận dụng vỏ ngôn ngữ Nho giáo nhưng chủ yếu là diễn đạt mọi tình cảm khác nhau của thi nhân Đại Việt. Thực sự nội dung và cảm hứng chủ đạo trong thơ là những tình cảm riêng tư, không công thức.

Trong đó, nhiều nội dung phản ánh tuy mang vỏ ngôn ngữ Nho giáo nhưng bản chất đã đề cập đến những vấn đề mang tính vĩnh cửu. Đó là những đề tài về tình yêu quê hương, chống cái ác, chống ngoại xâm, ca ngợi sự yên vui, sự toàn thịnh. Vì thế, khó phân biệt văn học Nho giáo và văn học nói chung một cách tách bạch. Hiện tượng “nhập dòng” này đã tồn tại khá lâu dài ở nước ta. Ước mơ *"dân giàu đủ khắp đòi phương"* (*Bảo kính cảnh giới*, 43) của Nguyễn Trãi cũng tương tự khát vọng của Lý Thường Kiệt trong *Văn lộ bố* - *"Phải quét sạch như bản tanh hôi để đến thuở ca ngày Nghiêu, hưởng tháng Thuấn thanh bình"*. Cả hai đều thể hiện tinh thần tích cực của thi nhân với dân tộc nhưng sử dụng ngôn ngữ Nho.



### 1.3.2. Môi quan hệ Nho giáo và thơ Nho xét từ góc độ văn học

Cơ sở phương pháp luận của Thơ Nho là những quan niệm thơ văn suy cho cùng có nguồn từ Nho giáo. Nhưng mối quan hệ Nho giáo đến thi ca rất tế nhị, có thể đậm nhạt khác nhau tùy vào quan niệm của từng thi nhân, cá tính, thời đại.

Thông thường trong thơ có đạo lý Việt Nho và tình cảm phong phú của người nho sĩ Đại Việt. Hơn nữa, đặc trưng ngôn ngữ thơ bao hàm những cấp độ của cảm xúc, ấn tượng, những giao thoa phức tạp (tình - cảnh - sự) trong chủ thể trữ tình... Dù sao, người ta vẫn có thể nhận ra bản sắc thơ Nho so với các dòng thi ca khác bởi những đặc điểm rất riêng, tùy thuộc vào hệ thức văn hoá Nho gia. Đề bài thơ Nho thường bắt đầu bằng những từ như: *hữu cảm* (có cảm xúc), *khởi cảm* (nổi lên cảm xúc), *hữu hoài* (có tâm sự), *cảm hứng* (xúc động mà có hứng), *biệt* (từ biệt), *tống* (tiễn), *hoài* (nhớ)... cho thấy sự xuất phát của dòng tư duy trữ tình. Trong thơ Nho nói chung thì “*Chí hợp với tình*” (*Mao thi tự*). Cơ sở của Nho giáo tập trung vào phạm trù “nhân”. Đặc trưng “nhân” theo quan niệm Nho giáo thì gắn với “trí” với “lễ”... nhưng về cơ bản “nhân” vẫn thuộc nền tảng của “tình”. Chí của người quân tử bao giờ cũng là thực hiện ý tưởng “nhân”, hiện thực hoá phạm trù “nhân” ở mức độ cao nhất. Nên “tình” và “chí” của người quân tử liên thông, tương ứng với nhau.

Thông thường trong thơ thể hiện đạo lý Nho giáo có mang bản sắc tình cảm phong phú của người nho sĩ Đại Việt. Hơn nữa, đặc trưng ngôn ngữ thơ bao hàm những cấp độ của cảm xúc, ấn tượng, những giao thoa phức tạp của tình - cảnh - sự trong chủ thể trữ tình...

### 1.4. Quan niệm văn học của thơ Nho

Quan niệm là ý thức bao quát về một đối tượng, là cách hiểu một vấn đề. Quan niệm vừa là kết quả lại vừa là điểm xuất phát của tư duy. Quan niệm về thi ca bao gồm những cách giải thích, những nguyên tắc, phương pháp sáng tạo thi ca... Tùy theo hoàn cảnh đất nước, tùy trình độ, học vấn, cá tính, tài năng mà các tác giả tiếp nhận tư tưởng nghệ thuật Nho gia có những quan niệm về thơ ca khác nhau.

### 1.4.1. Thơ phản ánh Chí, Khí, Tâm, Đạo kẻ sĩ

Những quan niệm định giá phẩm chất thơ ca rất phong phú theo thời gian, theo từng lưu phái, theo năng lực chiếm lĩnh nghệ thuật của các tác giả – độc giả... Trước hết phải kể đến quan niệm Thơ phản ánh Chí, Khí, Tâm, Đạo kẻ sĩ. ("*Văn học là phương diện thể hiện chí, tâm, đạo của kẻ sĩ*" – Đoàn Lê Giang).

Thơ Nho nhìn chung chịu ảnh hưởng quan niệm "ngôn chí" (*Thượng thư - Nghiêu điển*). Chí là nơi để tâm vào, tâm có chủ trương, không theo thói thường. Thơ phải biểu đạt cái chí thông qua hình thức ngôn ngữ thơ. Nguyễn Trãi viết: "*Cao trai độc tọa hồn vô my; Hào bả tân thi hương chí luân*" (*Buồng cao ngồi một mình vẫn không ngủ; Hãy làm bài thơ mới mà nói đến chí của mình*) (*Thu dạ dũ Hoàng Giang Nguyễn Nhược Thủy*). Đây cũng là một trong những bài thơ Nho trực tiếp chứa quan niệm "ngôn chí". Thơ nói chí là một quan niệm quan trọng của thơ Nho. Đầu thế kỷ XV, Phan Phu Tiên đã viết: "*tâm hữu sở chí, tất hình ư ngôn, cố thi dĩ ngôn chí*" (*Tựa Việt âm thi tập*). Quan niệm "Ngôn chí" được nhắc đến nhưng về bản chất thì "chí" cũng chính là "tâm".

Vì thế, thơ chính là phương tiện phản ánh "tâm" của kẻ sĩ quân tử. Chữ "tâm" trong thơ Nho thể hiện khá phong phú các phương diện tình cảm của người nho sĩ trong thời đại Nho học đang hưng thịnh và tích cực. "Tâm" ở đây có nguồn gốc là lòng tốt, là thiên lương của con người. Thơ là tiếng lòng của nhà nho trước hiện thực. Các tác giả Chu An, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi... đã phản ánh khá rõ nét những tâm trạng tiêu biểu của kẻ sĩ trước thời cuộc. "*Lo trước cái lo thiên hạ*" (tiên ưu) từ lâu đã trở thành một quan niệm tiêu biểu cho phong cách nho sĩ.

*Tâm* có nội dung bao gồm cả *Tình*. Thơ Nho Việt Nam thường có quan niệm trọng tình. Phạm Nhân Khanh nhận ra "*Lễ văn hữu tận tình vô tận*" (*Văn lễ có giới hạn, tình vô hạn*) (*Phụng Bắc sứ*)... Quan niệm đó phản ánh trật tự của Lễ phải lùi lại sau Tình theo suy nghĩ của tác giả. Thơ Nho ngày càng đạt đến thuần thực nên có khi không cần đến ngôn ngữ Nho học hay kinh điển Nho giáo nhưng vẫn hàm chứa không khí, tình cảm, cái nhìn của nhà

nho. Tình cảm luôn là yếu tố hàng đầu của thơ. Tình ở đây là tình cảm của người Việt, tình cảm gắn bó với cộng đồng, đất nước.

Thơ Nho giai đoạn này đã đi vào bản sắc dân tộc, đi vào cái thường ngày: đề cập đến bữa cơm đạm bạc, ao làng, hoa xoan nở rộ... Dù Nho gia vốn quý trọng truyền thống ("thuật nhi bất tác") nhưng nhà nho Đại Việt vốn đã cùng với những người dân manh lệ đuổi ngoại xâm nên họ gần với những sinh hoạt đời thường của nhân dân.

#### **1.4.2. Thơ phải giúp nước và làm vẻ vang cho nước**

Chủ nghĩa yêu nước vốn là truyền thống của văn học. Nho giáo chú trọng, điều hòa và cân bằng các mối quan hệ con người - gia đình - xã hội nhưng thơ văn thì tùy theo hoàn cảnh mà mối quan hệ nào được chú trọng. Từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV do hoàn cảnh phải đối đầu với ngoại xâm và xây dựng một nền văn hóa vững mạnh nên phần nhiều thơ cũng chú trọng đến quan niệm *Thơ phải giúp nước và làm vẻ vang cho nước*. (*Văn học phải gắn bó với vận mệnh của đất nước và nhân dân* - Đoàn Lê Giang).

Nhiều nhà thơ đã trực tiếp hoặc gián tiếp thể hiện quan niệm ấy. Nguyễn Mộng Tuân đã trực tiếp phát biểu điều này khi viết cho Nguyễn Trãi: *"Hoàng các thanh phong ngọc thụ tiên, Kinh bang hoa quốc cổ vô tiên"* (*Tặng Gián nghị đại phu Nguyễn công*)...

Bàn luận về nội dung văn chương, về tư tưởng chủ đạo của thi ca, các nhà nho đã có những phát biểu cụ thể. Họ thông qua thi ca để khái quát lên những nội dung tư tưởng sâu sắc của thơ Nho: *"Đao bút phải dùng tài đã vẹn, Chỉ thư nảy chếp việc càng chuyên"*. Ngạn bút này có tác dụng giúp cho: *"Vệ Nam mãi mãi ra tay thước, Điện Bắc đà đà yên phận tiên"* (*Bảo kính cảnh giới, 56 - Quốc âm thi tập*). Bài thơ được viết sau khi Nguyễn Trãi được trao chức vụ Hàn Lâm viện Thừa chỉ - Lại bộ Thượng thư. Với ý tưởng dùng văn chương để bảo vệ và xây dựng đất nước, bài thơ này xứng đáng được xem là quan niệm văn học thơ Nho.

Bên cạnh chí hướng giúp nước, trong thơ Nho giai đoạn này còn thấy quan niệm trọng dân. Quan niệm về "dân", "nước" rất quan trọng đối với nho sĩ. "Dân" được đề cao trong lý thuyết

kinh điển của Mạnh Tử, nhưng ở đó nó được nhìn từ kẻ bề trên. Quan niệm "dân" trong thơ Nho giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV là trung tâm của tư tưởng thân dân. Thơ Nguyễn Trãi gần gũi, hòa đồng và ân nghĩa với những người áo vải – “*Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày*” (*Bảo kính cảnh giới 19 – Quốc âm thi tập*). Nhìn chung, những quan niệm về đạo lý yêu nước, trọng tình, trọng dân... là những quan niệm nổi bật. Đó là sự biến đổi quan niệm nghệ thuật so với thơ Thiên trước đó. Những quan niệm nghệ thuật thơ của thơ Nho nói trên còn mang chức năng định hướng cho tư duy sáng tạo của thi nhân.

## CHƯƠNG 2. NHỮNG CẢM HỨNG TRONG THƠ NHO VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XIV ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XV

Cảm hứng là phương diện chủ quan của nội dung. Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm. Cảm hứng chủ đạo của thơ Nho thời gian này là cảm hứng yêu nước, cảm hứng thân dân, cảm hứng nhân văn, cảm hứng đạo lý, cảm hứng thế sự - trách nhiệm...

### 2.1. Cảm hứng yêu nước

Cảm hứng yêu nước là cảm hứng khá mãnh liệt và chiếm vị trí trung tâm trong thơ Nho.

Cảm hứng yêu nước bao hàm cảm hứng về cộng đồng, dân tộc, vận mệnh đất nước. Nguồn gốc cảm hứng này bắt nguồn từ sự khẳng định nền độc lập qua nhiều lần chiến thắng giặc phương Bắc: Tống, Nguyên, Minh... Cũng có những giai đoạn đất nước lâm nguy như cuối triều Trần hay bị đô hộ vào cuối đời Hồ nhưng không vì thế mà cảm hứng về đất nước yếu đi. Ngược lại, nó càng mạnh mẽ và sâu đậm trong thơ ca. Tư tưởng yêu nước gắn liền với lịch sử hào hùng: *Quá Hàm Tử quan* (Trần Lô), *Hàm Tử quan* (Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Trãi)... Cảm hứng đó còn được gợi lên từ thiên nhiên, phong cảnh Đại Việt hào hùng tươi đẹp: *Yên Tử giang trung* (Nguyễn Trung Ngạn), *Kiệt Đặc sơn* (Nguyễn Trung Ngạn), *Chí Linh đạo trung* (Phạm Ngộ)... Nghĩ đến dân, nhà thơ xúc động mạnh ngay cả khi đang sống nhàn tản với thiên nhiên bằng tâm hồn ẩn sĩ (*Miết trì* - Chu An). Đến Nguyễn Trãi, nỗi thao thức, lo lắng của ông không nằm ở cá nhân mà hướng về đất nước, xã hội với những thế hệ cần được sống hòa bình: “*Bui một tác lòng ưu ái cũ, Đêm ngày cuộn cuộn nước châu đông*” (*Thuật hứng, 5 – Quốc âm thi tập*). Lòng lo nước yêu dân sôi nổi, dạt dào, trải qua bao gian lao, bao biến cố, vẫn trước sau như một. Hơn nữa, nó hiện diện “*đêm ngày*”, kéo dài và lặp lại thường trực trong người trí thức.

Cảm hứng dân tộc trong thơ còn dành cho các anh hùng dân tộc, kẻ sĩ nước Việt. Ở đây, cảm hứng yêu nước đặc biệt hướng về phía nhân dân, dân tộc. Nó có tính chất gần gũi, tự nhiên, không kinh điển, công thức...

## 2.2. Cảm hứng thân dân

Thơ Nho không chỉ thể hiện cảm hứng yêu nước mà còn thể hiện cảm hứng thân dân. Đây là một đặc điểm độc đáo của thơ Nho Việt Nam từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV.

Kế thừa truyền thống thân dân thời Lý – Trần, các nhà nho như Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân... tiếp tục và nâng cao hơn nữa quan điểm này. Cảm hứng thân dân đi vào thơ văn và in đậm trong thơ Nho. Đến đầu thế kỷ XV, nhiều nhà văn nhà thơ đã nói đến người dân như một thế lực mạnh mẽ và có thể làm thay đổi chế độ. Nguyễn Mộng Tuân đã viết bài *Dân thủy* để xác nhận sức mạnh ấy. Nguyễn Trãi cũng có suy nghĩ tương tự, không chỉ hiểu dân có vai trò lịch sử “làm lật thuyền” mà ông còn thấy biết ơn người dân và dành cho họ tình cảm sâu sắc: “*Hổ phách phục linh nhìn mới biết, Dành còn để trợ dân này (Tùng – Quốc âm thi tập)*”. Ở trường hợp khác, Nguyễn Trãi còn nói đến quan hệ đồng bào: “*Đồng bào cốt nhục nghĩa càng bền*” (*Bảo kính cảnh giới-15 – Quốc âm thi tập*). Đây là cảm hứng thân dân xuất phát từ tình cảm tự nhiên và tinh thần dân tộc.

Nhà thơ nho thời này không thể yên lòng trước những nỗi đau khổ của người dân. Nguyễn Phi Khanh đã phải thốt lên: “*Nguyện bằng thiên thượng thanh quang dạ, Biến chiếu nhân gian tật khổ sầu*” (*Xin nhờ thượng giới đêm trong sáng, Soi thấu nhân gian nỗi khổ sầu*) (*Trung thu cảm sự - Đào Phương Bình dịch*). Tuy nhiên, những đồng cảm, chia sẻ của thơ Nho thời này (trong thơ Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh...) vẫn chưa đến với từng con người riêng biệt.

## 2.3. Cảm hứng nhân văn

Tính nhân văn được sử dụng nhằm chỉ đến giá trị tinh thần bền vững của mọi sự sáng tạo nghệ thuật đạt đến trình độ cái đẹp. Cảm hứng nhân văn thể hiện trước hết ở cảm hứng yêu thương con người, lấy con người tiến đến tự do hạnh phúc làm trung tâm. Yêu con người, trân trọng những giá trị chân chính của con người, bản thân nó đã là nhân văn.

Cảm hứng nhân văn là là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm về những giá trị đẹp đẽ của con người (những giá trị tình

cảm, trí tuệ, tâm hồn) xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật. Tùy theo từng thời điểm lịch sử mà những giá trị nhân văn tiêu biểu nào đó được đề cao, chú trọng, do đó, cảm hứng nhân văn trong thi ca cũng có những biến đổi theo từng giai đoạn văn học.

Cảm hứng nhân văn trong thơ Nho từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV có nguồn gốc từ truyền thống nhân văn Lý –Trần, truyền thống văn học dân gian và nổi bật là chịu ảnh hưởng của không khí văn hóa thời đại với Nho giáo được đề cao. Cảm hứng nhân văn trong thơ Nho là thích thú thẩm mỹ đối với những giá trị nhân văn cổ điển mang màu sắc Nho giáo. Thơ Nho chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tư tưởng Nhân văn cổ điển Nho giáo. Ở bài *Mộ xuân Diễm Châu tác*, Nguyễn Thiên Tích đã nói lên tâm sự một Gián Nghị thẳng thắn, bất mãn vì bọn cường thần chống lại chính sách thân dân. Thơ Nguyễn Trãi kết tinh lòng yêu nước với tình yêu thương người dân “trên lửa hung tàn”, mở rộng lòng thương yêu sự sống (“đức hiếu sinh”) (*Bình Ngô đại cáo*). Nguyễn Trãi muốn để người dân được nghỉ ngơi: “*Văn trị nên xây dựng thái bình*” (*Quan duyệt thủy trận*). Nhà thơ còn trân trọng cái đẹp thiên nhiên, cái đẹp hài hòa bình dị: “*Mai chắng bẻ, thương cành ngọc, Trúc nhật vun, tiếc cháu rồng*” (*Thuật hứng, 5 – Quốc âm thi tập*). Các tác giả thơ Nho cũng tỏ ra trân trọng hạnh phúc của con người. Nguyễn Úc viết về tâm sự của hoa trà mi nở vào cuối xuân - đầu hạ, nghĩa là sau các loài hoa khác nở vào đầu xuân. Hoàn cảnh như thế rất giống với những người cung nữ tui phận, chẳng biết xuân là gì (*Đồ mi*). Tự ý thức, tự phản tỉnh cũng là một phần quan trọng của cảm hứng nhân văn. Nhiều nhà thơ đã tự nhìn lại mình, có khi suy tư, có khi thấy tự hổ thẹn.

Tuy ở cảm hứng này, thơ Nho không tránh khỏi còn có những giới hạn nhất định nhưng nó đã góp phần không nhỏ trong việc xây dựng một nền thơ dân tộc giàu tinh thần nhân nhân đạo, nhân văn.

#### **2.4. Cảm hứng đạo lý**

Các nhà nho cũng đặt nhiều vấn đề về đạo lý theo cái nhìn Nho giáo và tư tưởng nhân nghĩa nhân dân. Cảm hứng đạo lý trong thơ Nho được thể hiện khá đậm nét.

Tư tưởng chủ đạo trong cấu trúc Nho học ở một số nước thường ưu tiên một số phạm trù khác nhau. Nguyễn Trãi xem tư tưởng nhân nghĩa là cơ sở, từ đó “*đại nghĩa sẽ dẫn đến chí nhân*”. Nhân nghĩa ở đây được nhà nho Nguyễn Trãi khái quát thành mệnh đề lớn: “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*” (*Bình Ngô đại cáo*). Nội dung quan điểm này trở thành một tiêu chuẩn thẩm mỹ, tiêu chuẩn thẩm định giá trị nhân cách nhà nho Việt Nam Nho và là cảm hứng nổi bật cho rất nhiều sáng tác thi ca giữa thế kỷ XIV – giữa thế kỷ XV. Ngay cả ở nơi xa xôi, ở nơi thôn dã – giang hồ nhà nho vẫn không nguôi để tâm vào chính sự (*Hoành Châu - Nguyễn Đình Mỹ*). “*Khó bèn, mới phải người quân tử, Mạnh gắng, thì nên kẻ trượng phu*” (*Trần tình – Quốc âm thi tập*). Ý thơ này vốn tiếp nối truyền thống thơ Nho nhưng sức mạnh chí khí của người nho sĩ nơi Nguyễn Trãi vẫn như mới.

Nhìn chung, cảm hứng đạo lý Nho học đã được Việt hoá thành cách nói mang đậm màu sắc Việt hơn là kinh điển Trung Quốc.

### **2.5. Cảm hứng thế sự và trách nhiệm**

Thơ ca Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIV đã xuất hiện “việc miêu tả những cảnh tượng phản xã hội”. Sự thay đổi về đề tài, thi pháp, cái nhìn... từ thơ Thiền đến thơ Nho phản ánh ở cảm hứng hiện thực trong thơ Nho.

Nhà Nho Chu An nhìn hiện thực bằng thái độ quyết liệt để đi đến “Thất trăm só” và hành động từ quan. Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh... đã tiếp tục thái độ này trong thơ văn. Thơ Chu Đường Anh và Nguyễn Phi Khanh khá tiêu biểu cho cảm hứng hiện thực. Nguyễn Phi Khanh đã tái hiện khung cảnh chân thực: “*Vạn tính ngao ngao đãi bộ cầu, Thuyền gia kim ngọc á cao khâu!*” (*Hàng nghìn người đang chờ cơm ăn áo mặc, Còn nhà ai vàng bạc của cải chất cao như núi*) (*Hồng Châu Kiếm Chính dĩ du vận...*). Chu Đường Anh đã dùng mối quan hệ thi – họa để hướng sự chú ý đến những cảnh trái ngược trong xã hội. Vì thế, đó cũng là bức tranh rất chân thực: *Đề Đường Minh Hoàng dục mã đồ*. Bài thơ cũng phản ánh thái độ bất bình trước cảnh tượng một xã hội đang đi dần vào khủng hoảng.



Thơ Nho thường tập trung vào thể sự, và có thể nói, thể sự là cảm hứng, là điểm xuất phát đầu tiên của thơ Nho.

## CHƯƠNG 3. MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN THI PHÁP CỦA THƠ NHO VIỆT NAM GIỮA THẾ KỶ XIV ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XV

### 3.1. Thể loại

Thể loại trước hết là sự tổ chức ngôn ngữ. Đối với người xưa thể loại rất được chú ý. Mỗi thể loại có những đặc điểm khác nhau. Việc lựa chọn thể loại cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật thơ Nho.

Thơ Nho sử dụng nhiều thể, có thể của Trung Quốc, có thể của dân tộc. Cơ sở của thể loại thơ Nho phần lớn vốn có sự chi phối tiềm tàng bởi các quan niệm về thế giới và nhân sinh của Nho giáo.

Thể thơ quan trọng nhất là thơ Đường luật, được vận dụng linh hoạt cho thơ chữ Hán lẫn chữ Nôm. Niêm, luật, vận, đối trong bài thơ Đường luật chịu ảnh hưởng những quan hệ nội tại của Chu Dịch. Thơ Đường luật chịu ảnh hưởng trật tự Nho giáo. Dựa vào *Quảng vận* (có đối chiếu với *Bình thủy vận*), ta có thể khảo sát một số bài thơ của Chu An, Đặng Dung, Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân... nhằm tìm ra một số đặc điểm của đặc điểm thể loại thơ Nho. Bài *Ký hữu* (Nguyễn Trãi), *Miết tri* (Chu An)... có các vần trong bài được xếp theo cùng một bộ vần (tương tự thơ Trung Quốc).

Tuy nhiên, nhiều bài thơ khác có các vần không cùng một bộ vần như thơ Trung Quốc. Đó là nét khác biệt của thơ Trung Quốc và thơ của các nhà nho Việt Nam. Đơn cử như *Cảm hoài* (Đặng Dung), *Hàm Tử quan* (Nguyễn Mộng Tuân) có 4 vần thuộc một bộ vần, 1 vần thuộc bộ vần khác.

Qua đó, có thể thấy thơ Nho có khi sử dụng đúng bộ vần của thơ Trung Quốc, nhưng có khi lại sử dụng theo kiểu riêng khá linh hoạt. Thể Đường luật cũng được Việt hóa về nhịp điệu, số chữ... nhất là khi vận dụng vào thơ nôm. Các nhà thơ đã có sáng tạo khi sử dụng thơ sáu chữ như trong các bài *Nhàn cư lục ngôn đề thủy mặc trướng tử tiểu cảnh* (Phạm Mại), *Tặng Tư Đồ Nguyễn Đán* (Trần Khả)... Thể thơ thất ngôn pha lục ngôn cũng đã được Nguyễn Trãi sử dụng với nhiều thành tựu: “*Dưới công*

*danh nhiều thác cả; Trong ẩn dật có cơ mâu” (Bảo kính cảnh giới, 32). Có thể nói đây là một thử nghiệm để từng bước tiến tới xây dựng các thể thơ dân tộc.*

Cơ sở của hệ thống thể loại thơ Nho Việt Nam chịu ảnh hưởng không ít bởi hệ thống thể loại thơ ca Trung Quốc, bởi những quan niệm trật tự Nho giáo. Tuy nhiên, bên cạnh đó cơ sở văn hóa dân tộc trong tiếp thu, Việt hóa, sáng tạo ra thể thơ thuần Việt. Ở thơ Nho Việt Nam, tùy từng giai đoạn lịch sử – văn hóa mà có những thay đổi trong việc ưu tiên sử dụng từng thể loại khác nhau. Thể loại vốn chịu ảnh hưởng tư tưởng và tinh thần thời đại. Việc tiếp thu hệ thống thể thơ ở mỗi địa phương, mỗi thời kỳ đều có một số biến đổi riêng.

Ở thơ Nho giữa thế kỷ XIV – giữa thế kỷ XV, thể Đường luật sử dụng phóng khoáng, chỉ cần theo thanh âm của vần, không cần theo bộ vần như ở Trung Quốc. Hiện tượng "bất luận" ở các vị trí 1, 3, 5 ở câu 7 chữ được khai thác triệt để. Nhịp 3 - 4 thường gặp trong thơ Nho cũng khác thơ Trung Quốc. Thời gian này cũng ít sử dụng các biến thể của thơ Đường luật.

Đời Lý thi nhân thường dùng thơ tứ tuyệt có thể vì nó ngắn gọn, ảnh hưởng phương thức tư duy và phương pháp sáng tác của thơ Thiền (độ nghiêm ngặt về thanh luật ở kệ chưa đến cao độ như thơ bát cú). Đến thế kỷ XV tỷ lệ thơ tứ tuyệt giảm xuống và tỷ lệ thơ thất ngôn bát cú tăng lên. Ý thức nghi lễ và sự phát triển ý thức thẩm mỹ đã làm cho các nhà thơ đời Trần – Lê thích thơ bát cú.

Việc ưu tiên sử dụng các thể loại khác nhau là một đặc điểm của thơ Nho qua từng thời kỳ khác nhau.

### **3.2. Ngôn ngữ**

Ngôn ngữ thơ Nho là một vấn đề khá phức tạp và phong phú. Ở đây chỉ chú ý đến một số đặc điểm của ngôn ngữ thơ Nho từ giữa thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV. Ngôn ngữ thơ có vai trò to lớn đối với bản sắc của một dòng thơ.

Ý thức dân tộc hóa Nho giáo ở Đại Việt đã tác động lên Nho giáo phương Bắc để làm nên những quan niệm Nho giáo có những nét phương Nam. Ngôn ngữ Nho được sử dụng trong thơ

Nho không phải để minh họa cho Nho giáo mà nó phản ánh tâm hồn Việt. Nét độc đáo ở đây là ngôn ngữ Nho kết hợp và hòa tan trong ngôn ngữ dân tộc. Thơ Nho tuy có sử dụng một số ngôn ngữ có nguồn gốc Nho giáo nhưng phần lớn lại là ngôn ngữ dân tộc.

Trong 280 trường hợp sử dụng từ ngữ, điển tích chọn lọc trong thơ Nho thời gian một thế kỷ này, có 56 trường hợp sử dụng điển tích liên quan đến kinh điển và sách vở Nho học phổ biến, có 45 trường hợp sử dụng điển tích liên quan đến quan niệm Nho giáo, có 101 trường hợp sử dụng điển tích liên hệ đến các danh nho, 22 trường hợp sử dụng điển tích liên quan đến văn chương, 40 trường hợp sử dụng điển tích liên quan đến thế sự, 16 trường hợp sử dụng điển tích liên quan đến các truyền thuyết.

Ngôn ngữ thơ Nho tuy là ngôn ngữ của trí thức nhưng ở đây có sự kết hợp với ngôn ngữ bình dân. Nguyễn Trãi nói đến "*Nhân nghĩa trung cần giữ tích ninh*" (*Bảo kính cảnh giới*, 4), "*Bền đạo trung dung chẳng thuở tàng*" (*Bảo kính cảnh giới*, 2) một cách trang nghiêm, nhưng ở nhiều chỗ khác ngôn ngữ thơ ông lại rất dân dã, gần gũi như : "*Ao quan thả gửi hai bè muống; Đất bụt ương nhờ một lạnh mông*" (*Thuật hứng*, 23).

Ngoài ra cần kể đến khoảng trên 305 từ ngữ có liên hệ đến tiếng Việt cổ trong *Quốc âm thi tập*. Qua đó có thể nhận thấy yếu tố Việt đã chiếm một vị trí quan trọng trong thơ Nho. Ở *Quốc âm thi tập*, thường gặp một số từ ngữ của người Việt thời xưa như: tua, bui, liễn, nẻo, lãnh, hiềm, ngặt, khuây,...

Ngôn ngữ trong thơ Nho phản ánh mối quan hệ giữa “văn” và “chất”. “Chất” ở đây là cốt cách tư tưởng, là nội dung. “Văn” hàm nghĩa rất rộng, gồm cả thiên văn (bản chất – cái đẹp tự nhiên), nhân văn (văn hóa tinh thần của người quân tử). “Văn” đề cập ở đây là hình thức bên ngoài, hình thức thơ – thể hiện qua nghệ thuật ngôn từ.

Ngôn ngữ thơ Nho thường chứa đựng những ý nghĩa sâu sắc. Ngôn ngữ tuy đơn giản nhưng có sức chứa nội dung khá lớn. Nó "*có cái thần động đến ngàn xưa, ngụ ý sâu xa ngoài cảnh vật*". Ví dụ bài *Tảo mai* (Trần Khánh) có câu thơ : "*Người cũ hàng năm trông thấy mặt; Tinh thần băng tuyết nhận không sai*" thể hiện

mối quan hệ “tượng và ý”. Hình tượng hoa mai có thể hiểu nhiều ý như người xưa, người đẹp, người quân tử hay có khi chỉ đơn thuần là hoa mai.

Tuy chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho nhưng nhìn chung ngôn ngữ thơ Nho thời này trong sáng, hồn nhiên, phù hợp với tinh thần dân tộc. Mặc dù vậy, nó cũng có những giới hạn nhất định. Ngôn ngữ thơ Nho tỏ ra phù hợp với môi trường văn hóa trí thức thanh cao, bởi đôi lúc nó hơi nặng nề, cổ điển tích, thiên về tượng trưng, ước lệ hoặc quá chú trọng đến phương diện tải đạo.

### 3.3. Giọng điệu

Giọng điệu trong thơ không duy nhất nằm trong một thành tố nào mà toát lên từ toàn tác phẩm.

#### 3.3.1. Giọng hùng hồn – cương kiện

Thơ Nho có những giọng điệu đặc trưng. Đó cũng là dấu hiệu nhận biết đối với những bài thơ Nho. Tiêu biểu trong thơ Nho phải kể đến giọng hùng hồn, cương kiện.

Giọng hùng tiêu biểu cho nền văn hóa Nho gia mang tính “cương kiện”, “sùng đức”, “thượng lễ”, “chính khí”. Giọng trung hậu cũng là hệ quả của những tư tưởng cương kiện này... Bài thơ *Chu trung ngẫu thành (Ức Trai thi tập - Nguyễn Trãi)* phản ánh giọng điệu hăng hái, nhiệt thành - “*Cấp sách đeo gươm vạn dặm xa - Buồm cô hồ biển khí xông pha*”. Thơ Nho thường chứa đựng một khí thế quyết liệt, hào hùng của tâm hồn vì dân, vì chính nghĩa. Các thi nhân hào hùng tiếp nối nhau. Nghĩa khí của Đặng Dung, Lưu Thường đã phản ánh khí phách hào hùng bất khuất của người nghĩa sĩ thất thế : “*Trung nghĩa, sa cơ chết cũng đành*” (*Tuyệt mệnh thi - Lưu Thường*).

Giọng điệu hùng đã đi sâu vào câu chữ, tư tưởng nghệ thuật của rất nhiều bài thơ Nho, cả những nhịp điệu sôi nổi hoặc trầm lắng, trầm trở... vì nó nằm trong những thành tố cấu trúc của tác phẩm.

#### 3.3.2. Giọng điển nhã

Xuất phát từ cảm thức phong nhã, giọng điệu điển nhã (sang trọng – đúng đắn – nhã nhặn) chiếm một tỷ lệ đáng kể trong thơ Nho.

Điền nhã, tiêu biểu cho những khái niệm “nhã” nói chung như sơ nhã, thanh nhã, phong nhã, nho nhã... Nó có nguồn gốc từ những tập thơ nhã đời Chu (Quốc phong, Nhã tụng - hai thiên trong *Kinh Thi*). Trong đêm thất tịch, nhà thơ nhìn lên cao, cảm nhận: “*Ngân chữ cao hoành vân tự tán, Tinh kiều tà quái nguyệt như câu*” (*Mây giăng sông bạc dờng cây tán, Trăng đứng cầu sao tựa lười câu*) (*Thất tịch* – Phạm Nhân Khanh - Đinh Văn Cháp dịch).

Ngay cả khóm rau cần, vết chân chim cũng được trang nhã hóa: “*Phấn hoa ở đầu cành làm nặng râu ong, Bùn ở khóm rau cần trước mảnh cửa làm thơm dấu chân chim én*” (*Xuân nhật thôn cư* - Nguyễn Úc). Nhiều khi sự trang nhã đi đến thái quá, nhưng dù sao đó vẫn là nét riêng của thơ Nho. Và giọng nhã đã để lại cho người đọc những cảm tưởng khác nhau.

### 3.3.3. Giọng điệu thanh cao

Tư Không Đồ gọi giọng điệu, phong cách thanh cao là “Cao cổ” (cao siêu khác tục). Đây là giọng thường gặp ở trong thơ các nhà nho ẩn dật.

Thông thường đây là sự đối thoại, tương thông của thi nhân với cổ nhân, thánh nhân. Trong cái nhẹ nhàng, người đọc phát hiện ra nét đẹp nho nhã: “*Thân dũ cô vân trường luyến tu, Tâm đồng cổ tĩnh bất sinh lan*” (*Mình theo mây lẽ non thường quán - Lòng dọi giếng xưa sóng chẳng dờn*) (*Xuân đán*– Chu An). Nhà thơ dùng đến “*nước tuyết*” làm tăng thêm độ tinh sạch: “*Cởi tục trà thường pha nước tuyết – Tìm thanh trong vắt tịn chè mai*” (*Ngôn chí, 1- Quốc âm thi tập* – Nguyễn Trãi). Ý thơ thật trong trẻo, giản dị, thanh cao. Khá nhiều bài thơ Nho khác cũng có giọng điệu tương tự.

### 3.3.4. Giọng bi khái

Đó là tâm sự thời thế của người trí thức. Cũng với giọng điệu buồn, nhưng thơ Nho không hoàn toàn mất đi sinh khí mà có sự phản ứng của ý thức tự khẳng định trước không gian nghịch cảnh.

Giọng điệu bi khái trong thơ là giọng thơ phản ánh sự xung đột của nhân cách kẻ sĩ với nghiệt ngã của cuộc đời: “*Y quốc cam tâm bệnh, Phì dân liệu tự cô*” (*Chạy chữa cho cả nước, riêng cam tâm bệnh - Làm cho dân béo tốt, biết mình sẽ gầy*) (*Tư Đồ cổ*

cu - Nguyễn Tử Thành). Ý niệm đó phản ánh tinh thần nhân đạo cao cả, phi thường. Người quân tử luôn tiến tới bất chấp khó khăn. Nhưng thời thế tạo nên những bi cảm bất tận, những bất lực của nhân cách cao cả trước nguy vong của đất nước. Đó là bi kịch giữa cái tâm, văn hóa và thời cuộc.

Giọng bi cảm trở thành nỗi xót xa vô hạn cho nhân thế, cho nhân cách bị vùi dập, “làm quan” nhưng “*Hoạn tình dĩ tự triêm nề như, Thân sự hồn như lạc phấn hoa*” (*Thân thể mình giống như cánh hoa rơi chỗ bẩn*) (*Mộ xuân Diễn Châu cảm tác* – Nguyễn Thiên Tích). Giọng bi khái là sự thao thức, trăn trở của cái tôi nho sĩ trước cuộc đời, cho đời và cho mình. Đó là bi cảm nho phong, là lời “bi phần thi” của nhà nho nước Việt. Niềm tin vào văn hóa Nho gia đã làm tăng thêm lòng bi khái.

### 3.4. Hình tượng con người – nhà nho

Có thể xác định con người trong thơ Nho theo tiêu chuẩn *kiểu người phẩm chất* và *kiểu người cảnh ngộ*. Cả hai tiêu chuẩn này cho phép việc phân loại gặp thuận lợi hơn và tránh trường hợp trùng lặp.

#### 3.4.1 Kiểu người phẩm chất

Ở kiểu người phẩm chất, hình tượng con người trong thơ lấy tiêu chuẩn phẩm chất làm cơ sở phân định. Trong thơ Nho, kiểu người phẩm chất bao gồm các dạng thức con người quân tử, con người nhân nghĩa, con người vũ trụ, con người tri âm với thánh hiền, một số trường hợp trong thơ còn nói đến người đẹp một cách kín đáo.

Nhiều bài thơ xuất phát từ con tim, từ cái tâm kẻ sĩ cao quý, tích cực, rất tự nhiên trong con người nhà nho. Người nho sĩ tuy tài năng thế nào, dầu ở đâu, lòng vẫn đầy nỗi lo: “*Vạn lý giang hồ tâm nguy khuyết - Bất tài không tự bảo tiên ưu*” (*Ở nơi giang hồ muôn dặm mà lòng vẫn để nơi cửa khuyết - không tài cán gì, nhưng vẫn ôm cái chí lo trước mọi người*) (*Hoành Châu* - Nguyễn Đình Mỹ). Theo quan niệm cổ thơ có vịnh sử, du tiên, diễm tình, vịnh vật, hay chia nhỏ hơn có các loại thơ luyện ái, thương vong, khuê vãn... Loại diễm tình chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong thơ Nho giữa thế kỷ XIV – giữa thế kỷ XV.

Nhà thơ thường sáng tác trong tâm thái trong sáng của lòng mình, đối diện với cổ nhân, thánh nhân. Con người trung thân – liệt nữ – ẩn sĩ... là những con người tri âm với thánh hiền theo nghĩa lý tưởng nhất. Đây cũng là một tinh hoa về nguyên lý thăng hoa nhân cách trải qua bao thế kỷ.

### 3.4.2. Kiểu người cảnh ngộ

Bên cạnh những "kiểu người phẩm chất" kể trên thơ Nho còn có những "kiểu người cảnh ngộ". Dựa vào cảnh ngộ, tình huống mà hình tượng con người trong thơ thể hiện bản sắc và được xác định. Kiểu người cảnh ngộ thường gặp ở đây là kiểu người ẩn dật, phiêu dật, lưu lạc, phong trần thậm chí cô độc.

Đề tỏ bày những ẩn khúc, biện hộ cho thái độ của mình trước thời cuộc, nhà thơ viết: *"Ba xuân rỏ máu quyên đòi đoan – Muôn dặm lòng về nguyệt lừng lơ"* (*Quân trung tác* – Trần Nguyên Đán - Hoàng Khuê dịch). Người quân tử mãi lo sự nghiệp chung quên là đêm dài đã hết, tâm tình đó cứ lặp lại thành một chuỗi đêm dài: *"Đêm đêm thức nhân nẻo sơ chung"* (*Thuật hứng, 23- Quốc âm thi tập*). Người quân tử phương Đông chịu sự tương tác của cổ nhân, thánh nhân, khác với hiệp sĩ phương Tây – chịu sự tương tác của mỹ nhân và mỹ cảm tình yêu.

Con người ẩn dật là hệ quả của con người giao hòa. Trong thơ Nho, con người ẩn dật thường khao khát tự do - một biểu hiện của tư tưởng tự do trong văn học cổ. Con người nhân ẩn, tiêu dao, tự do trong thơ Nho có sự tương tác của các tư tưởng khác, làm cho phương thức tư duy về "nhàn" càng phong phú.

Nhưng ngược lại, hào khí Nho phong thể hiện thái độ dứt khoát: *"Hào tương quốc luận tư thâm ý; Hà tất Bồng, Doanh nhập mộng tu"* (*Nên đem việc nước bàn thêm tốt - Chẳng cần mơ mộng cảnh thân tiên*) (*Du hồ* – Nguyễn Mộng Tuân - Bản dịch Hoàng Việt thi tuyển). Đó là phong cách rất khác biệt so với dòng thơ ảnh hưởng giấc mộng hoá bướm của Trang Chu.

## 3.5. KHÔNG GIAN - THỜI GIAN NGHỆ THUẬT

### 3.5.1. Không gian và thời gian tâm trạng của kẻ sĩ

Thơ Nho thường là thi trung hữu họa, những bức tranh cảnh được chú trọng. Trong đó, thời gian tương thích với không gian để con người chiêm ngưỡng, tả cảnh, ngụ tình.



Nhà thơ tiếp cận thực tại qua cái nhìn thanh cao. Thời gian ở thơ Nho trôi chảy, dịch biến nhưng chú ý đến trật tự và tính tuần hoàn. Người nho sĩ thuận theo tự nhiên, thuận theo dịch biến, hòa nhập vào thời gian ("tùy ngộ nhi an") nên thời gian được cảm nhận từ một thời điểm tĩnh tại. Thời gian đó tương thông với không gian hoành tráng để con người chiêm ngưỡng, tả tình. Vũ trụ ở đây tương đối ổn định, con người làm trung tâm.

Cảm thức của thi nhân xuất phát từ thời gian "*đăng cao*", "*thuyền quay về*", "*thuyền nhỏ phiêu diêu*", "*gió mạnh buồm giương*", "*thuyền dọc bờ*", "*trời xế dựa chèo*"... Con người trách vụ tiếp nhận không gian cao rộng, vừa chiêm ngưỡng vừa đắm tâm hồn trong vô tận. Đây là lúc con người giao hòa vũ trụ thống nhất trong không gian và thời gian hoành tráng, vĩnh viễn của tự nhiên vì về với thiên nhiên là nếp phong nhã của nho gia. Không gian và thời gian thể hiện thế giới và vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ nho.

### **3.5.2. Thời gian tự nhiên (vô tình) và không gian dịch biến (hữu tình)**

Thời gian trôi đi vô tình nhưng trong thơ đó là thời gian của tâm trạng. Trong thơ Nho, thời gian tự nhiên và không gian dịch biến thường xuyên gặp gỡ. Thi nhân chịu những tác động có khi khốc liệt của hoàn cảnh trong suốt thời gian đời người.

Vũ trụ nhiều biến cố, cảnh hoang phế của cự đế đô, cảnh cuộc sống đổi thay. Cũng có khi thời gian tự nhiên thông thường dễ cảm nhận qua không gian tự nhiên. Đó là lúc chờ nguyệt mọc, thấy nguyệt tròn, nguyệt đầu non treo chênh chếch, bóng ác rạng đông... Không gian dịch biến chứa đầy cảm xúc, cảnh vật không đơn thuần là ngoại cảnh mà chính là tâm cảnh.

## KẾT LUẬN

Loại hình tác giả nhà nho đã đóng góp nhiều cho văn học dân tộc, cho xã hội. Riêng thơ Nho đã chiếm một địa vị đáng kể trong lịch sử văn học dân tộc thời Trung đại. Nó góp phần tạo bản sắc thi ca nước Việt trong bối cảnh văn hoá khu vực.

So với thi ca Trung Quốc, thơ ca giữa thế kỷ XIV – giữa XV ở nước ta tuy không phong phú bằng nhưng vẫn có thể đứng nhất định. Như Phạm Đình Hồ nhận xét, nửa cuối thế kỷ XIV thơ *“tinh vi, trong trẻo, đều có sở trường tột bậc, cũng như thơ đời Hán, đời Đường bên Trung Hoa”* (*Thế thơ – Vũ trung tùy bút*)... Từ đời họ Hồ đến đời Đại Bảo (niên hiệu Lê Thái Tông, 1440 – 1442) là *“còn giữ được truyền thống đời Trần nhưng thể tài khí phách ngày càng kém”*. Ta vẫn thấy ý hướng tiếp nối và khôi phục văn hóa Lý Trần ở Nguyễn Trãi. Như vậy người xưa đánh giá cao thi ca nửa cuối thế kỷ XIV hơn nửa đầu thế kỷ XV và một thế kỷ thơ này mang dáng dấp thơ ca đời Hán, đời Đường. Nhìn chung thơ Nho đậm cảm xúc cuộc đời, mang nặng tư tưởng Nhân nghĩa, lấy sự quan tâm đến đời sống xã hội làm chủ đạo. Đó là cõi thơ của các nhà nho.

Thơ Nho Việt Nam trải qua nhiều thăng trầm, trải qua nhiều thế hệ với những đặc điểm Nho học – nho phong riêng của từng thế hệ. Để nghiên cứu thơ Nho Việt Nam giữa thế kỷ XIV – giữa thế kỷ XV, không thể chỉ dừng lại ở cơ sở lịch sử – xã hội, triết học, mỹ học và quá trình hình thành hay những chặng đường phát triển mà cần tập trung vào những đặc điểm thi ca của dòng thơ này. Đặc điểm thơ Nho có thể xác định trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm nội dung và đặc điểm nghệ thuật. Về đặc điểm nội dung, luận án cố gắng đi vào tìm hiểu cảm hứng chủ đạo, những chủ đề cơ bản của dòng thơ. Từ những cảm hứng yêu nước, tự hào dân tộc, hoà nhập - chiêm ngưỡng thiên nhiên và cả cảm hứng đạo lý đã đem lại cho thơ Nho một màu sắc riêng, một phong cách riêng. Thơ Nho khoảng một thế kỷ này đề cập đến những nội dung khá phong phú. Đó là những suy nghĩ về đất nước, về nhân dân, về đạo lý nhân nghĩa của dân tộc và những tình cảm phong phú của các thi sĩ Việt Nho đối với chính sự, với quê hương, với gia đình

và dành cho riêng mình. Thơ Nho Việt nam đã nói lên những tiếng nói vừa hào hùng, chân thành vừa rất đổi quen thuộc của tâm hồn người Việt.

Về đặc điểm nghệ thuật, luận án đi vào vấn đề con người, không gian, thời gian, thể thơ, giọng điệu của thơ Nho từ giữa thế kỷ XIV- giữa thế kỷ XV. Tiếp thu những kinh nghiệm và phương pháp sáng tác Trung Hoa nhưng thơ Nho Việt Nam đã đón nhận có sự tiếp biến trên cơ sở ngôn ngữ dân tộc, tái hiện những khung cảnh Việt Nam, con người – nho sĩ Đại Việt. Thơ Nho Việt Nam thời gian này được viết bằng những thể thơ nguồn gốc từ Trung Quốc nhưng sử dụng một cách phóng khoáng, thậm chí đã Việt hoá và biến đổi. Về giọng điệu, thơ Nho thời gian này hào hùng, trong trẻo và lạc quan. Giọng điệu đó rất khác với thơ Nho giai đoạn sau.

Vấn đề đặc điểm thơ Nho một thế kỷ này có thể được làm rõ thêm khi đặt trong tư thế đối sánh với thơ Thiên xuất hiện trước đó và so sánh với chính thơ Nho thời gian sau.

Cuối cùng, điều lắng đọng lại trong thơ Nho phải chăng là những suy nghĩ của nho sĩ về chính trị xã hội. Đó là những thông điệp kín đáo mà họ muốn gửi đến cho vua chúa và quan lại. Thông điệp đó không ngoài nội dung là đường lối nhân nghĩa, chính sách thân dân, sự cần thiết xây dựng đạo đức bản thân, đạo đức xã hội. Chỉ có đạo đức mới đem lại thành công cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Với bấy nhiêu điều, thơ Nho vẫn luôn mang đến cho cho tương lai những nỗi ưu ái đáng ngạc nhiên và gây xúc động cho người đi sau.

Những suy nghĩ về thể chế chính trị, nền vương đạo và cách ứng xử của bản thân là cơ sở cho rất nhiều nội dung trong thơ Nho. Từ những điều này, tác giả thơ Nho thể hiện lòng yêu nước, thương dân, đề cao đạo lý, xúc động trước thời cuộc hay để lại cảm giác cô đơn trong tâm hồn. Đó cũng là cơ sở cho cái “tình” trong sáng thanh cao, gắn với trạng thái tâm lý và phẩm chất đạo đức của thánh nhân. Nó là bản chất của những nhà nho chân chính và cũng là một phần quan trọng trong bản sắc thơ Nho.

Có thể vì thế, thơ Nho thường đề cao đạo lý, chuyên tải đạo lý. Tuy không bay bổng như thơ lãng mạn, không thúc giục kêu

gọi như thơ ca phục vụ chính trị, thơ Nho có một sắc màu riêng, thanh nhã, bình dị nhưng vẫn làm cho người sau yêu mến.

**MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING  
HCMC UNIVERSITY OF PEDAGOGY**

---

**HUỶNH QUÁN CHI**

**VIETNAMESE CONFUCIAN  
POETRY  
FROM THE MID 14<sup>TH</sup>  
CENTURY TO THE MID 15<sup>TH</sup>  
CENTURY A.D.**

**Specialization : Vietnamese literature  
Code : 62 22 34 01**

**SUMMARY OF DOCTORAL THESIS  
ON VIETNAMESE LITERATURE**

**Ho Chi Minh city - 2010**

Thesis work was completed at:  
**HCMC University of Pedagogy**

***Advisors:***

1. Associate Prof. MAI CAO CHUÔNG
2. Associate Prof. Dr. ĐOÀN THỊ THU VÂN

Examiner 1: Associate Prof. Dr. TRẦN NHO THÌN

Examiner 2: Associate Prof. Dr. ĐOÀN LÊ GIANG

Examiner 3: Associate Prof. Dr. LÊ THU YẾN

This research will be presented to the committee of doctoral thesis defense at  
**HCMC University of Pedagogy**

at    o'clock    date    month    2010

This doctoral thesis is available at:

1. Vietnam's National Library
2. HCMC Library of Social Sciences
3. HCMC Library of Comprehensive Sciences
4. Library of HCMC University of Pedagogy

## RELATED PUBLICATIONS OF THE AUTHOR

1. Huỳnh Quán Chi, “**Cultural – literary vocabulary contributing to the Identification of Vietnam’s philosophy in ancient times and the middle ages**”, *Social Sciences and Humanities Review, HCMC University of Pedagogy, Vol. 25 01/2001*).
2. Huỳnh Quán Chi, “**Upanishad ideology in a Thiên poem**”, *Social Sciences and Humanities Bulletin, HCMC University of Pedagogy – Vietnam National University, HCMC, Vol. 32, 9/2005*.
3. Huỳnh Quán Chi, “**Confucian culture and the penetration of law - makers and strategists**”, *Collection of Research Reports after 30 years of development of HCMC University of Pedagogy, 1975-2005, Da Nang University, 2005*.
4. Huỳnh Quán Chi, “**Understanding Vietnamese modern poetry of Thiên Buddhism**”, *Giác Ngộ monthly magazine, Vol. 50 9/2008*.
5. Huỳnh Quán Chi, “**Thien poetry and Confucian poetry in Vietnam – differences in viewpoints, thinking, and humans**”, *Giác Ngộ monthly magazine, Vol. 154, 01/2009*.
6. Huỳnh Quán Chi, “**Aloofness in Vietnamese Confucian poetry from Mid 14<sup>th</sup> – mid 15<sup>th</sup> century**”, *Social Sciences and Humanities Review, HCMC University of Pedagogy, Vol. 17, 7-2009*.

## INTRODUCTION

### 1. Rationale

The existence of the two ideologies of Thiền Buddhism and Confucianism has contributed to the existence of the two types of poetry. They are the Thiền flavored poems and Confucianism scented poems. From the mid-14<sup>th</sup> to the mid-15<sup>th</sup> century, Vietnamese literature underwent a complicated transition and inheritance between the two movements of poetry: Thiền poetry and Confucian poetry. This period suggests a large number of significant research topics related to Vietnamese Confucian poetry from the mid-14<sup>th</sup> to the mid-15<sup>th</sup> century. An important point to consider is during about one century, how much did Confucian poetry influence the development of the Neo-Confucian poetry?

The thesis aims to identify the characteristics of a century of Confucian poetry, and the retreat of Thiền poetry versus the expansion of Confucian poetry to gain its dominant position in Vietnamese literature.

### 2. Purpose of the study

The thesis aims to provide a comprehensive description of a century of Confucian poetry concerning its origin, conditions for its development, characteristics of its form and contents, and its aesthetic features. The thesis hopes to contribute to the field of literary research on Vietnamese Confucian authors.

### 3. History of the research area

Research on Confucian poetry in general was carried out in the past, in a variety of aspects and at different levels.

First, some anthologies such as *Tân tuyển thi tập* (*Anthology of new poems*) (Lý Tử Tấn), *Việt âm thi tập* (*Anthology of Vietnamese poems*) (Phan Phu Tiên), *Trích diễm thi tập* (*Collection of literature during the Lý – Trần dynasties* - Hoàn Đúc Lương), *Toàn Việt thi tập* (*Collection of Vietnamese poems written in Chinese language*) (Lê Quý Đôn), *Hoàng Việt thi tuyển*, (*Anthology of selected Vietnamese poems written in Chinese language*) (Bùi Huy Bích), and so on. Critiques on *Truyện Kỳ Mạn Lục* (Nguyễn Dữ), *Vân Đài Loại Ngữ* (Lê Quý Đôn), *Lịch triều Hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú), *Vũ Trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ), and so on, contain interesting ideas about Confucian poetry. After that, literary critiques by Phan Kế Bính, Trương Vĩnh Ký, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Hoài Thanh, and other significant research on the history of literature (on the basis of stages, generations, schools, and so on) also contain ideas related to Confucian poetry.

The work entitled *History of Vietnamese poetry* (Lê Hữu Mục) divided Vietnamese literature into three schools: School of Thiền literature (the 11<sup>th</sup> century – the 13<sup>th</sup> century), school of classical literature (the 14<sup>th</sup> century – the 16<sup>th</sup> century), and school of Nôm literature (the 17<sup>th</sup> century – the 19<sup>th</sup> century). The school of classical literature is in fact Confucian literature. All literary works during period are related to Confucian literature to some extent.



In addition, the influence of Confucianism on Vietnamese literature in general and Vietnamese Confucian literature in particular is very important. The initial works to be mentioned is *Nguyễn Công Trứ's psychology and ideology* (Nguyễn Bách Khoa: 1994). Perhaps he is the first person to use the concept of "amateur Confucian scholars".

Other research works on Confucian literature explore a number of perspectives of Confucian poetry. Some works of this category include *Confucianism and Vietnamese literature in the near Middle Age* (Trần Đình Hượu) (written since 1964), *Types of literary authors, amateur Confucian scholars and Vietnamese literature* (1965), *Vietnamese literature: the particular flow in the mainstream* (Trần Ngọc Vương - 1998), *Awareness of Vietnamese literature in the ancient times and the Middle Age* (Đoàn Lê Giang - 2001), *Vietnamese Middle-Age literature in the cultural perspective* (Trần Nho Thìn - 2003), and so on. In Vietnam, the ideology of Confucianism was mentioned by a lot of Confucian scholars and Confucian poets. Some recent works in this area include *Literary and Aesthetic conceptions of Confucianism*, extracted from *Elite literary theory of Chinese classical literature* (Phuong Lữ); the section entitled "Evolution of orthodox Confucian conceptions" extracted from *Structure and history of literary theory of Chinese literature* (Phuong Lữ). In these works, the author suggests methodologies and experiences for research approaches.

These suggestions have been used for different purposes of research. In addition, they can be seen as important experiences and opinions in the research on Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century.

#### **4. Subject and scope of the study**

The main research subject of the thesis is Vietnamese Confucian poetry during about a century (from the mid -14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century).

Vietnamese Confucian poetry was composed by Vietnam's Confucian poets, who were influenced by Confucian ideology, Confucian inspirations, and Confucian aesthetic conceptions.

The study of the Confucian poems written from the mid -14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century aims to identify the characteristics of Confucian poetry's contents and artistic styles in this period.

#### **5. Research methods**

Some scientific methods relevant to particular sections were used in the study.

The historical social method and the interdisciplinary method were used for chapter 1. The analysis – synthesis method and the interdisciplinary method were used for chapter 2. The application of the rules of poetry was used in chapter 3.

#### **6. New contributions of the thesis**

Outcomes of the thesis entitled *Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid - 15<sup>th</sup> century* have a partial contribution to the scientific research and real life.

- Scientific significance: Through its efforts to study Vietnamese Confucian poetry, the thesis identifies the characteristics of Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid 15<sup>th</sup> century.

- Practical significance: This study on Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century in terms of contents and artistic styles will modestly contribute to the study and teaching of the history of literature from the mid -14<sup>th</sup> to the mid 15<sup>th</sup> century. It will also contribute to the study and teaching of poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century.

### **7. Organization of the thesis**

The thesis includes the introduction, the body (three chapters), the conclusion, the bibliography, and the appendices.

#### **Chapter 1. Common issues of Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century (pp. 20 - 86).**

This chapter describes the concept of *Vietnamese Confucian poetry*; the historical contexts, and the characteristics of Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century. On this foundation, the direction of the development of Vietnamese Confucian poetry during this period was sketched.

#### **Chapter 2: Inspirations in Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century (pp. 87 - 123).**

This chapter describes the major inspirations of Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century.

#### **Chapter 3: Some aspects of rules of poetry of Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century (pp. 124 - 174).**

This chapter describes the genres, linguistic expressions, tones, human images, space – time in Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century.

## **Chapter 1. COMMON ISSUES OF VIETNAMESE CONFUCIAN POETRY FROM THE MID -14<sup>TH</sup> CENTURY TO THE MID -15<sup>TH</sup> CENTURY**

### **1. 1. The concept of “Confucian poetry”**

The research subject of the thesis is Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century.

The research subject and the research scope are related to some other concepts such as: *Confucianism*, *School of Confucianism*, *Confucian scholars*, *Confucian poetry*, *Confucian scholars’ poems*, *Confucian theory of poetry*, and so on. *Confucianism*: a prominent philosophy of China in the ancient times. Later, Confucianism became the orthodox political ideology of Chinese feudal dynasties and of some neighboring countries. Humanity is core in Confucianism. *School of Confucianism*: Indicating *Confucianism* as a school of thoughts. In Vietnam, *School of Confucianism* entails another concept: *Confucian scholars*. *Confucian scholars*: scholars in the ancient times who observed Confucianism. Sometimes this concept refers only to scholars in the countries under the influence of Confucianism. *Confucian poetry*: this concept indicates a counterpart of Thiền poetry. First, Confucian poetry includes only poems written from the mid -14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century in Vietnam. Second, Confucian poems were written by authors who were under the influence of conceptions about Confucian literature and Confucian inspirations. Consequently, Confucian poetry is not completely the same as *Confucian scholars’s poems*, because *Confucian scholars’ poems* include inspirations from Thiền Buddhism and Taoism.

In China, there was also the concept of *theory of poetry* (for example, Chinese history of theory of poetry, Confucian’s theory of poetry, and so on). Theories of poetry includes numerous articles about the rules of poetry and the conceptions about poetry. Chinese orthodox theories of Confucian poetry were frequently mentioned through the conceptions and theories written by Confucius, Xun Zi, Mencius, Lu Hsiang-shan, Mao Hanh - Mao Trành, Trĩnh Huyền, Lu Hiệp, Du Fu, and so on. Most theories are classic thoughts of all times.

When the poems written in this one century period are selected, the poems written under the influence of Confucian ideology should be the first to be considered. It is difficult to classify some Confucian scholars’ poems influenced by the ideologies of Thiền Buddhism or Taoism in Confucian poetry. Some typical works of this type include *Đĩnh Thủy vương công* (Chu An), *Lễ Đễ sơn* (Lê Thiều Dĩnh), *Du Nam Hoa Tự*, *Thu dạ khách cảm*, *Tiên Du tự*, *Mộc cận* (Nguyễn Trĩi), *Tập hứng 2* (Lý Tử Tấn), *Thuật chí* (Lý Tử Cầu), and so on.

In practice, however, there are many cases in which elements of Confucianism, Taoism, and Buddhism were mixed in the authors themselves and in their works. This penetration and fusion are rather complicated, depending on specific authors and specific works. Confucian poetry has the common characteristics of Confucianism, yet it is also characterized by Vietnamese emotions and thoughts.

For the identification of the characteristics of the contents and artistic styles of *Confucian poetry*, there is a lot to be considered. The identification of the

differences between Confucian poetry and Thiên poetry contributes considerably to the identification of the characteristics of Confucian poetry during this period.

## **1.2. Description of Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century.**

### **1.2.1. Origin of Confucian poetry**

#### *1.2.1.1. Influence of Confucian ideology*

After Confucianism was introduced into Vietnam, it influenced various aspects of Vietnamese culture. It also influenced various types of Vietnamese literature in the Middle Age, including poetry.

Confucianism was introduced into Vietnam at the beginning of the Chinese domination (at the end of the Western Han dynasty). Later in the Chinese domination, from the Tang dynasty (618 - 905) on, Confucianism was expanded in Vietnam. After the retreat of Mongolian invaders, the Trần dynasty appeared to stay away from the ordinary people. The model of land grants for noblemen and landlords did not develop the ordinary people's labor and capacity of land for cultivation. A number of social corruptions took place. For this reason, Confucianism gradual Lý replaced Buddhism and gained its domination. In the final stage of the Trần dynasty (the second half of the 14<sup>th</sup> century) - King Trần Dụ Tông dynasty (1341 - 1369) and later dynasties - Confucianism flourished and asserted its prominent role in society. Some outstanding figures of this period are Chu An, Trần Nguyên Đán, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Chu Đường Anh, and others. It would be a mere generalization if we said that in this period, Confucianism in Vietnam was the Song dynasty's Confucianism. Vietnamese elements had considerable influence on society for four reasons: The first reason is the influence of the ideologies of the three traditional religions (Buddhism, Taoism, and Confucianism) in the Trần dynasty. The second reason is the anti-Song Confucianism ideology in the Trần and Hồ dynasties. The third reason is the restoration of the three traditional religions in the early Lê dynasty. The four reason is the conceptions about the theories of poetry during this period (Phan Phú Tiên, Lý Tử Tấn, Hoàng Đức Lương, Nguyễn Trãi, and others), which part Lý reflected the influence of Confucianism on Vietnamese Confucian poetry. These conceptions about the theories of poetry are considered "the same as the theories of poetry of ancient China until the Tang dynasty" (Phuong Lự).

In the Hồ dynasty and late Trần dynasty, Confucianism had replaced Buddhism for the most part. Confucianism took its dominant position and significant Lý influenced the country's socio-political system. Outstanding figures of this period include Hồ Quý Ly, Đặng Dung, Nguyễn Phi Khanh, and others. In the first Lê dynasty – the Lam Sơn uprising – Confucianism continued to maintained its prominent and stable position. Outstanding figures of this period include Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, Lý Tử Tấn, and others. In the Hồ and Lê dynasties, Confucianism became the theory of politics, social ethic, education, examinations, and so on.

Vietnamese prose and poetry are also under the influence of Confucianism. Due to the great appreciation of Confucianism and the flourishing of the Confucian scholars, the development of Confucian poetry is an obvious trend.

### 1.2.1.2. *The development of Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century.*

In the Trần dynasty, Confucian poetry gradually developed and perfected itself parallel to the development of Thiên poetry (about 50 authors in the late Trần dynasty). There was a gradual increase in the number of Confucian authors and their works. It can be seen that in the late Trần dynasty, such Confucian scholars as Chu An, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, and others, remarkably influenced the culture at that time. Hàn Thuyên was considered a pioneer of a movement of cultural reform. A large number of collections of prose and poetry were born during this period. Most poems bore Confucian features and Vietnamese characteristics. It can be said that during this period, Confucian poetry gradually shaped its own character and characteristics (especially in the second half of the 14<sup>th</sup> century). From the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century is a century of significant achievements of poetry. Although they were just the preliminary achievements, they could almost entirely reflect fundamental characteristics of Confucian poetry in terms of contents and artistic styles. Confucian poetry was pure, positive, and it could truthfully reflect the ideals of typical Confucian scholars as well as the aesthetic ideals of Confucianism in poetry. Nguyễn Trãi is considered the most prominent author of this period.

With its own means, conditions and interactions, Chinese culture had considerable impact on the poetry of some neighbouring countries for a particular purpose. Taking advantage of this trend, our country's generations of poets inserted Confucian poetry with Vietnamese culture to develop another movement of poetry with its own character, which was compatible to other traditions of poetry in the region.

### **1.2.2. The force of poets**

Most Confucian poets are Confucian scholars. They were educated with Confucian curricula, which focused on Confucian knowledge as a foundation for the awareness of nature, society and learners themselves. Confucian poets created poems based on their conceptions about Confucian literature and aesthetics.

Based on such works as *Prose and Poetry in the Lý – Trần dynasties* (volumn 3), *Hoàng Việt thi tuyển*, and the collection of Vietnamese literature (volumns 4, 5) from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century, we can see a powerful force of poets of about 65 authors. There were a great number of Confucian poems during this period: *Prose and Poetry in the Lý – Trần dynasties* (volumn 3) consisted of 301 works / 39 authors. *Hoàng Việt thi tuyển* (from the Le dynasty to the mid – 15<sup>th</sup> century) consisted 61 works / 5 authors.

In general, Confucian authors and Confucian poems increase in number over time. This phenomenon reflects a period of flourishing of Confucian prose and poems. In addition, a large number of Confucian poets are considered typical, outstanding Confucian scholars of all generations of Vietnamese Confucian scholars.

### **1.2.3. Major themes in Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century.**

#### *1.2.3.1. Determination poems written by Confucian scholars*

Literary works by Confucian scholars in general highly appreciated determination. Depending on the different levels of absorption of Confucianism in different countries, conceptions about Confucianism were restructured, modified, and applied with national awareness and an aspiration for independence from China in terms of politics – culture – literature. Consequently, determination poems in Vietnamese Confucian poetry are rather complicated.

Determination poems are the focus of Confucian poetry. What is determination in general and what is determination in Confucian poetry? There are various answers to these questions. Determination poems, in a classic sense of Confucianism, are about morality, ethic, humaneness, and so on. Determination originates from the heart but is relevant to morality. Determination is not only determination but also sustainable energy for moral activities. Determination may be emotions - positive emotions towards ideals. These emotions are kept deep in the heart. In the right conditions, they become inspirations for the creation of poems. In the preface of *Việt âm thi tập*, Phan Phu Tiên wrote: “*If there is determination in the heart, there will be determination poetry*”. In this case, determination was depicted by Vietnamese Confucian scholars as the will of the poets. There are many types of will: the will to improve political governance, the will to prevent ethical corruption, the will to retreat in the high mountains and distant jungles, and so on.

In their poems related to determination, Confucian scholars were interested in the realities of society, considering them the causal agents to perfect their determination. The implementation of determination and morality aimed to improve ordinary people’s lives.

#### *1.2.3.2. Compassion poems written by Confucian scholars*

Confucian poetry is not only about determination but also about sentiments. They are the feelings of Vietnamese Confucian poets. Of these feelings, compassion is typical.

Later in the Trần dynasty, the tone of mightiness declined, giving place to the tone of compassion and deep emotions. They were even poems written by the authors who retreated into an isolated life like Chu An, or by those who were inclined to retreat like Trần Nguyên Đán. Bearing witness to poverty, invasions, and so on, Confucian poets painted realistic pictures with their compassion for people’s sufferings: “*In thousands of areas, people suffer a lot in their lives*”. Coming home, they stayed awake: “*Rowing home, I can’t have a sleep. I have to read a book in the light of the fisherman’s lamp.*” (extracted from *Dạ qui chu trung tác* – Trần Nguyên Đán – Translated version in *Hoàng Việt’s selected poems*). Inside the country, the war took peace away: “*The country was devastated after the war. Seeing the deserted areas, I have a deep compassion in my heart.*” (extracted from *Thu thành vãn vọng* – Nguyễn Phi Khanh). Another poem is more touching when the poet sent the King a poem to beg a relief for ordinary people when he was seriously sick: “*This new poem replaces a petition. I am too sick to report to Your Majesty.*” In the following poem, we can see another scene no less depressing: “*The rice field as red as a fire stretched as far as the eye could see.*” (extracted from

*Thôn cư cảm sự* – Nguyễn Phi Khanh – Translated by Đào Phương Bình). Such compassionate feelings are abundant in Confucian poetry.

Poets did not only pity themselves but also pity society in the final years of the Trần dynasty. Perhaps the poem entitled *Thu dạ* was the most depressing of all the poems written by Phạm Nhân Khanh. We seem to hear the slow passage of time and the cries of crickets in a shattered area: “*We are here in a gloomy atmosphere. Even an iron man cannot stand that for long*” (Phạm Nhân Khanh – Translated by Trần Lê Sáng). This poem was laden with sadness and gloom. Generally speaking, there are a large number of poems with the same tone in Confucian poetry.

#### 1.2.3.3. Poems of loneliness written by Confucian scholars

In addition to compassion, poets’ loneliness and personal grieves are deeply hidden in Confucian poetry.

They are the pains related to a drift life, war, sufferings of mandarins, separation and losses.

#### 1.2.4. The emotional ego in Confucian poetry

Completely different from the individualistic ego in romantic poetry in the 10<sup>th</sup> century, the ego in Confucian poetry is the classic ego.

The ego of Confucian poets always originated from their sympathy. The sympathy in this context is a category of aesthetics: interaction – emotion led to inspirations for creativity. As a result, Confucian scholars’ ego did not turn away from real life, even that of retreated Confucian scholars. Confucian poetry has a tradition of being closely attached to real life.

Engaged Confucian scholars are intellectuals who were engaged into social activities as activists. Their poetry reached every corner, every soul and every plight. They are poems about the dusty turning points on the course of life (*Hạ Tông, Lê Đỗ tam ngữ sử* – Nguyễn Phi Khanh), the flooded bridge in a village at twilight (*Văn hưng* – Nguyễn Trãi), the sorrows of the war (*Thu Thành văn vọng, Ty sơn hữu cảm* – Nguyễn Phi Khanh), a difficult life and deserted village paths (*Cửu nhật thôn cư độc chúc* – Nguyễn Phi Khanh), ordinary people’s miserable lives due to exploitation (*Thôn cư cảm sự* – Nguyễn Phi Khanh), the mourning at a mother’s death anniversary (*Cam Châu giang trung* – Lê Cảnh Tuân), and so on.

Traces of the lonely ego can be found in the Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century. The word “ego” had been used by Confucian poets in the centuries before Nguyễn Du, to depict personal awareness. Before the confusions and obscurity of life, Trần Khản posed an unanswered question: *Why do we have to suffer all the time?* (*Bất như ý* – Trần Khản). Nguyễn Trung Ngạn was aware of the instability of the intellectuals when they chose the ideals of a scholar’s life: “*We drift like bubbles on the course of life, lingering here and there just because of an emotional heart*” (*Dạ tọa* – Nguyễn Trung Ngạn). Nguyễn Trãi had to taste the bitterness and dangers of “dedicated mandarins who were harmed” after many years of devotion: “*I was destroyed by the hat of a mandarin*” (*Đề Từ Trọng Phủ Canh Ân đường* – Nguyễn Trãi). These feelings can be found in the poems by later generations as well.

The emotional ego in Confucian poetry deserves sympathy and appreciation. As a result, Vietnamese Confucian poetry from the mid -14<sup>th</sup> to the mid -15<sup>th</sup> century left later generations with specific inspirations.

### **1.2.5. Some differences between Confucian poetry and Thiền poetry**

#### *1.2.5.1. Differences between Confucian poetry and Thiền poetry in a number of conceptions*

Confucian poetry and Thiền poetry can be compared and contrasted through such conceptions as earthLý life and non-earthly life (Bản thể luận), religion – life (giải thoát luận), fundamental conceptions about philosophy (Thiên, Lý, Trung, and others), basic criteria (Cao, Hùng, Thâm, Tri âm, and others). The diversity of the two mainstreams of poetry formed the two distinct movements of poetry.

#### *1.2.5.2. Differences between Confucian poetry and Thiền poetry in terms of thoughts*

Confucian poetry and Thiền poetry are different in their directions of thinking. Confucian poetry includes emotional thoughts which revolve around such categories as humaneness, morality, loyalty, dedication, and so on: “*Humaneness, morality, and loyalty need to be maintained at heart*” (Bảo kính cảnh giới, 4, Quốc âm thi tập). In Thiền poetry, there is an awareness of borderlessness, no abiding, no discrimination, and so on: (*When humans understand the void of discrimination, they can see cloud - capped mountains and lush vegetations*) (Thiền uyển tập anh - Thiền master Bảo Giám). Thiền thinking is the constant awareness and mastering of subjects in every flash of time sat na. (In addition, it is the awareness of the universe, nature, scenery, yet there is no abiding in such things. Thiền masters like Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Chân Không, high official Tuệ Trung, and others, reflected subjects in phenomena of nature.

Confucian thinking is the constant awareness of morality, ethic, rationalism, good – evil, devotion – fame, improvement – dedication, governance – conquer, and others. Especially, humans, social norms and standards of a stable society were highly appreciated. The ultimate cause of these differences lies in the viewpoints of Confucian poets and Thiền poets.

Orientation policies of the feudal regimes influenced all psychological and social facets of human life, from viewpoints, ways of thinking, ways of evaluating and even creative thinking or art appreciation. In general, Confucian poetry was under the influence of Vietnamese Confucian scholars’ viewpoints and ways of thinking about art. The influences of Confucianism can be seen both as a driving force on Vietnamese Confucian poetry and limitations for this movement of poetry.

### **1.3. Relations between Confucianism and Vietnamese Confucian poetry from the mid- 14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century**

Relations between Confucianism and Vietnamese Confucian poetry are an essential foundation when exploring Vietnamese Confucian poetry from the mid-14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century.

Confucian ideology is the foundation on which conceptions about Confucian art are shaped. Most importantly, Confucian scholars’ poems depict scholars’ thoughts,



emotions, and pains. However, these are also subject to Confucian scholars' attitude, their viewpoints on Confucianism as well as their own conceptions about art and beauty. In other words, these are subject to each scholar's ways of thinking and the social contexts of the Confucian culture of their times. Prophetic thoughts and individuals' creativity are also taken into consideration.

### **1.3.1. Relations between Confucianism and Vietnamese Confucian poetry from the Confucian philosophy perspective**

First, this tie can be seen in the relation between "religion" and "literature". Confucian scholars made great efforts to give "literature" a specific position, far from its role of a carrier of religion. These innovative conceptions brought literature new artistic colors.

In Vietnam from the mid- 14<sup>th</sup> century to the mid -15<sup>th</sup> century, Confucianism was at its initial stage of domination in the social ideology. As a result, it only depicts some inevitable relations between Confucianism – literature. Confucianism brought literature some basic characteristics in its works of art. Literature might contain the Confucian ways of thinking, yet it still reflected Confucian scholars' feelings about society and nature. Confucian poets used Confucianism – related linguistic expressions but their poems mainly expressed various kinds of feelings of Vietnamese poets. In fact, the major themes and inspirations in these poems are personal emotions without any stereotypes.

Some of these poems are in the shell of Confucian expressions. However, they included some previously mentioned issues like love for the fatherland, the struggle against evils and invasion, the appreciation of peace and prosperity, and so on. Consequently, it is difficult to distinguish literature in general and Confucian literature explicitly. This phenomenon of "fusion" existed for a long time in Vietnam. Nguyễn Trãi's dream about "People are rich everywhere" (*Bao kinh cảnh giới*, 43 – Nguyễn Trãi) was similar to Lý Thường Kiệt's aspiration in *Văn lộ bố*: "We must get rid of all evils, to enjoy the joy and peace of the Yao – Shun dynasties". Both the poets expressed Confucian poets' positive nationalistic spirit toward the country in the shell of Confucian linguistic expressions.

### **1.3.2. Relations between Confucianism and Vietnamese Confucian poetry from the literary perspective**

The philosophy of Confucian poetry includes the conceptions about literature which originated from Confucianism. However, the relations between Confucianism and poetry are very subtle, and they vary in different poets with different personalities in different times.

Normally, Confucian poetry express Vietnamese Confucian morality and the diversity of Vietnamese poets' feelings. In addition, the language of poetry is often characterized by different levels of emotions, impressions, and complicated fusions (feelings, environment, events) in the emotional subjects. Nevertheless, we can still recognize the typical character of Confucian poetry in comparison with other movements of poetry thanks to its specific features which are subject to Confucian scholars' ideologies. Normally, the titles of Confucian poems contain such words as *emotional*, *arousing emotions*, *nostalgia*, *nostalgic*, *emotion-based inspirations*, *goodbye*, *farewell*, and so on. These words indicate the beginning of emotional

thoughts. In general, in Confucian poetry *determination and emotions were blended (Mao thi tư)*. Basically, Confucianism focuses on "humaneness". According to Confucianism, "humaneness" is usually associated with "knowledge" and "ritual". However, humaneness basically belongs to "emotions". Heroes' determination is always a realization of "humaneness" at the highest level. As a result, "emotions" and "determination" of heroes are interconnected and relevant to each other.

Normally, Confucian poetry which expresses Confucian morality contains features of Vietnamese's diversified feelings. Moreover, language of poetry typically include different levels of emotions, impressions, and complicated fusions (feelings, environment, events) in the emotional subjects.

#### **1.4. Conceptions about literature in Confucian poetry**

Conceptions are the awareness of a subject or the understanding of an issue. Conceptions are both the origin and outcomes of thoughts. Conceptions about poetry include explanations, principles, methods of creating works of poetry, and so on. Depending on the social contexts and their levels of knowledge, personalities and talents, poets who absorbed Confucianism-related art had different conceptions about poetry.

##### **1.4.1. Confucian poems which reflect determination, heroism, humanity and ethic of poets**

Conceptions about the quality of poems are diversified over time, and they are subject to various schools of poets as well as the ability to appreciate art of poets and readers. First of all, Confucian poems which reflect determination, heroism, humanity and ethic of poets should be taken into consideration.

Generally, Confucian poetry is under the influence of "expression of determination" (*Thượng thư – Nghiêu điển*). Determination is the purposeful concentration, the void of inclination to the crowds. Poems have to express poets' determination through the linguistic expressions of poetry. Nguyễn Trãi wrote: "Though alone in a comfortable room, I cannot sleep. I want to write a poem to express my determination" (*Thu dạ Hoàng Giang Nguyễn Như ặc Thủy*). This is also one of the Confucian poems which directly contain the expression of determination. Determination poems account for an important part in Confucian poetry. At the beginning of the 15<sup>th</sup> century, Phan Phu Tiên wrote: "If there is determination in the heart, there will be determination poetry" (in the preface of *Quốc âm thi tập*). Though the concept of determination was frequently mentioned, "determination" in these poems was, in nature, "humaneness".

Consequently, poetry is a means for intellectuals to express their "humaneness". The word "humaneness" in Confucian poetry richly reflects aspects of Confucian scholars' feelings in the period of flourishing, positive Confucianism. "Humaneness" originates from kind-heartedness – the nature of humans. Poetry is the poet's feelings for reality. Such poets as Chu An, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, and others, clearly express typical feelings of intellectuals towards the events of their times. The fact that "*intellectuals worry before other*

*people worry*”, had long been considered a typical conception about the lifestyle of Confucian scholars.

*Humaneness* also includes *love*. Vietnamese Confucian poetry often puts love at a high position. Phạm Nhân Khanh recognized “Rituals are limited while love is limitless”. (*Phụng Bắc sử*). This conception reflects the position of rituals below love according to the poet’s viewpoints. Over time, Vietnamese Confucian poetry reaches its perfection. As a result, sometimes Confucian poems could express the authors’ tones, feelings and viewpoints without the linguistic expressions of Confucianism or Confucian classic teachings. In these poems, love is always the priority of poems. This is the kind of love of Vietnamese people, which is closely attached to their communities and the country.

Vietnamese Confucian poetry at this time explicitly reflected nationalism and daily activities of people’s life: the meager meals, the village pond, the falling flowers, and so on. Although Confucian scholars often appreciated the traditions of their class, Vietnamese Confucian scholars were accustomed to daily activities of ordinary people because they had been side by side with these people in expelling invaders.

#### **1.4.2. Poetry to support and glorify the country**

Patriotism is a tradition of literature. Confucianism focuses on regulating and balancing relations between humans – family – society. Literature, however, focuses on distinctive relations depending on particular social contexts. From the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century, because the country had to confront the invaders and develop a sustainable culture, a large number of poets paid attention to the conception that *poetry had to support and glorify the country*.

A lot of poets directly and indirectly realized this conception. Nguyễn Mộng Tuân directly stated this idea in his writing to Nguyễn Trãi: “*Hoàng các thanh phong ngọc thụ tiên, Kinh bang hoa quốc cổ vô tiên*” (To *Gián nghị đại phu Nguyễn công*)...

Confucian scholars had specific statements when they discussed contents of literature and major ideology of poetry. They generalized profound ideologies of Confucian poetry through their poems: “*A pen is a sword in the hand of a talented poet. A book is a good record of the history*”. The pen helped “*Vệ Nam always fight for the country, and Điện Bắc always enjoys peace*” (*Bảo Kính cảnh giới, 56, Quốc âm thi tập*). This poem was written after Nguyễn Trãi was appointed as Hàn Lâm viện Thừa chỉ - Lại bộ Thượng thư. With its idea of using literature to build and protect the country, this poem deserves the recognition as a major conception of Confucian poetry.

Apart from patriotism, Confucian poetry in this period highlighted the appreciation of ordinary people. Conceptions of “people” and “country” were very important to Confucian scholars. “People” were highly appreciated in the classic theory of Mencius, but they were looked at from an aloft position. The conception of “people” in Confucian poetry the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century was the core of the -the -people ideal. Nguyễn Trãi’s poems were close, friendly and grateful to ordinary people - “*When we have mandarins’ benefits, we must be*

*grateful to the laborers” (Bảo Kính cảnh giới 19 – Quốc âm thi tập).* In general, such conceptions as patriotism, appreciation of morality, appreciation of ordinary people, and so on, are prominent ones. They depict a Transformed awareness of art in comparison with previous Thiền poems. In addition, the above- mentioned conceptions of art in Confucian poetry help orientate the creative thoughts of poets.

## CHAPTER 2. INSPIRATIONS IN CONFUCIAN POETRY FROM THE MID – 14<sup>TH</sup> CENTURY TO THE MID – 15<sup>TH</sup> CENTURY

Inspirations are the subjective aspect of poetry. Major inspirations are the passionate, powerful emotions throughout the poems. Major inspirations of Confucian poetry during this period include patriotic inspirations, for-the-people inspirations, humane inspirations, moral inspirations, society – related inspirations and responsibility – related inspirations.

### 2.1. Patriotic inspirations

They are fairly powerful inspirations which play a focal role in Confucian poetry.

Patriotic inspirations include inspirations about communities, the country and the country's future. These inspirations originated from the assertion of the country's independence after the victories of the struggles against Chinese invaders of the dynasties of Song, Yuan, Ming, and so on. There are also times when the country was in the depression in the late Trần dynasty, or was dominated in the late Hồ dynasty. However, poets' inspirations did not phase out. On the contrary, they became stronger and more profound in poetry. The patriotic ideology is closely attached to the glorious history of the country: *Quá Hàm Tử quan* (Trần Lâu), *Hàm Tử quan* (Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Trãi), and so on. Those inspirations also came from the nature and landscapes of a beautiful, magnificent country. *Yên Tử giang trung* (Nguyễn Trung Ngạn), *Kiệt Đắc sơn* (Nguyễn Trung Ngạn), *Chí Linh đạo trung* (Phạm Ngộ), and others. Thinking about the ordinary people, a Confucian poet with a soul of a retreated person was deeply touched even when he was living comfortably among beautiful nature (*Miết Trì* – Chu An). Nguyễn Trãi's worries were not for himself, but for the country with the generations which wished for a peaceful life: "With all of my love for the past generations, I keep worrying day and night" (*Thuật hứng*, 5 - *Quốc âm thi tập*). Poets' profound patriotism remains unchanged despite numerous ups and downs of life. In addition, they are "day and night", always in the heart of the Confucian intellectuals.

Nationalistic inspirations in Confucian poetry are also attributed to the national heroes. In fact, the nationalistic inspirations are especially about ordinary people and the country. They are close and natural, not rigid and formal.

### 2.2. For -the- people inspirations

Confucian poetry not only depicts patriotic inspirations but also for-the-people inspirations. This is an original characteristic of Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century.

Inheriting the for-the-people tradition from the Lý and Trần dynasties, such Confucian scholars as Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, and others, continued and enhanced this conception. For-the-people inspirations went into literature and left their traces in Confucian poetry. In the early 15<sup>th</sup> century, a large number of authors wrote about ordinary people as a powerful force which could change the government. Nguyễn Mộng Tuân asserted this power in his poem entitled *Dân Thủy*. Nguyễn Trãi had similar ideas. He not only understood that people had a

historical role in "overturning the government" but also felt grateful to people and saved the best feelings for them: "OnLý when we watch carefulLý do we see people's power as strong as a tiger's; we have to save our support for people" (Tùng – Quốc âm thi tập). In another poem, Nguyễn Trãi wrote about his relation with people: "To our countrymen, we are flesh and blood" (Báo kính cảnh giới – 15 – Quốc âm thi tập). These for -the -people inspirations originated from poets' natural bonds and nationalism.

At that time, Confucian poets could not feel at ease before people's sufferings. Nguyễn Phi Khanh had to utter: "God, please listen to my pledge, to shed the moonlight on human sufferings". (Trung thu cảm sự – Trânslated by Đào Phương Bình). However, sympathy and sharing in Confucian poetry in this period (in poems by Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh...) could not reach individuals.

### 2.3. Humane inspirations

Humanism is used in poetry to indicate the constant spiritual value of all works of art which achieve aesthetic standards. Humane inspirations first depict themselves as the love for others, and the appreciation of people who wish to have freedom and happiness. Humanism, in fact, is the love for others and the appreciation of true values of others.

Humane inspirations are the passionate and powerful emotions about the good values of humans (the values of the heart, the mind and the soul) throughout works of art. Depending on different historical contexts, certain values of humanity are highlighted and more appreciated than others. As a result, humane inspirations in poetry undergo changes in various stages of literature.

Humane inspirations in Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century originated from the humane tradition of the Lý and Trần dynasties, the tradition of folk literature and especialLý, the atmosphere of the comtemporary culture in which Confucianism was stressed. Humane inspirations in Vietnamese Confucian poetry is the aesthetic keenness on classic values of humanity related to Confucianism. Confucian poetry was under the direct influence of the Confucian classic humane ideology. In the poem entitled *Mộ xuân Diễn Châu tác*, Nguyễn Thiện Tích expressed the feelings of a frank Gián Nghị, who was dissatisfied with the anti – people authorities. Nguyễn Trãi's poems are the depiction of patriotism and the love for ordinary people who had to live on the scorching fire of the invaders and the love of life (*the dedication to life*) (*Bình Ngô đại cáo*). Nguyễn Trãi wanted people to be at peace: "A humane government should build a peaceful life for people" (*Quân duyệt thủy trận*). In addition, the poets appreciated the beauty of nature, which is a harmonious and simplistic beauty: "I can't pick the apricot flowers because I cherish the precious tree. I care for the bamboo trees because I appreciate my grandson's planting" (*Thuật hứng, 5 – Quốc âm thi tập*). Confucian poets also appreciated human happiness. Nguyễn Úc wrote about the camellia flowers in full bloom in the late spring and earLý summer, later than all other flowers. He compared these flowers with the neglected wives of the kings who never knew the spring of life (*Đồ mi*). Moreover, self – awareness and self – awakening are a crucial part of humane inspirations. A large number of authors evaluated themselves, and some of them felt uneasy, even ashamed.

Although Confucian poetry cannot be without some limitations in its humane inspirations, it does contribute a considerable part to the building of a nationalistic poetry which is rich in humanity and humaneness.

#### **2.4. Moral inspirations**

Confucian poets also stressed morality from the Confucian perspective and the popular humane ideals. Moral inspirations in Confucian poetry were distinctiveLy depicted.

The major ideology in the structure of Confucianism in some countries prioritizes various categories. Nguyễn Trãi considered the ideal of humanity the foundation, on which “ethic will inevitably bring true humaneness”. In this context, ethic and humaneness were generalized into a statement: “*Ethic and humaneness lie in making people comfortable*” (*Bình Ngô đại cáo – Nguyễn Trãi*). This viewpoint became an aesthetic criterion for the evaluation of Confucian poets’ character. It is also the prominent inspiration for numerous poems from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century. Even in the isolated areas like distant villages and mountains, Confucian poets still paid attention to political events (*Hoành châu – Nguyễn Đình Mỹ*). “*Sustainable in difficulty – that’s the way of heroes. Strong in endeavors – that’s the way of great men*” (*Trần tình – Quốc âm thi tập*). This idea is a continuation of the tradition of Confucian poetry, yet the power of a Confucian scholar’s will (Nguyễn Trãi’s) sounds new.

In general, moral inspirations in Confucianism were Vietnamized into Vietnamese expressions rather than Chinese ones.

#### **2.5. Society- related inspirations and responsibility- related inspirations**

Vietnamese poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century began to “describe anti- social phenomena”. Changes in topics, writing rules, viewpoints, and so on, of Thiền poetry into those of Confucian poetry reflect realistic inspirations in Confucian poetry.

Confucian scholar Chu An looked at reality with a very determined attitude when he wrote “*Petition to behead seven criminals*” and then resigned. Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh, and others, continued with the same attitude in their poems. Poems written by Chu Đường Anh and Nguyễn Phi Khanh are rather typical of realistic inspirations. Nguyễn Phi Khanh painted a true picture: “*Thousands of people are desperate or food and clothes. Others are buried in treasures*” (*Hồng Châu Kiếm Chính dĩ du vận*). Chu Đường Anh made use of the relation of poetry and painting to drive readers’ attention to heart-breaking cases in society. As a result, his poem is a very real picture of society: *Đề Đường Minh Hoàng dục mã đồ* reflects society in crisis.

Confucian poetry usualLy focuses on social events. It can be said that social events are major inspirations and the springboard of Confucian poetry.

## CHAPTER 3. SOME ASPECTS OF RULES OF POETRY OF VIETNAMESE CONFUCIAN POETRY FROM THE MID -14<sup>TH</sup> TO THE MID -15<sup>TH</sup> CENTURY

### 3.1. Genres

First, genres mean the organization of language. Authors in the old days paid special attention to genres. Each genre has its own characteristics. Distinguishing genres is crucial to the exploration of artistic characteristics of Confucian poetry.

There are many genres in Confucian poetry, including Chinese genres and Vietnamese genres. These genres are influenced greatly and implicitly by conceptions about the world and humankind of Confucianism.

The most important genre is Tang poetry, which was flexibly used in poems written in Chinese language and Nom language. Prosody, rhymes, parallelism, and the number of characters in each line and the number of lines in a poem were influenced by the inner relations in the Classic of Changes. Tang poetry was influenced by the conformity of Confucianism. In reference to alliteration, some poems written by Chu An, Đặng Dung, Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân ... should be explored to work out some characteristics of Confucian poetry genres. *Ký hữu* (Nguyễn Trãi), *Miết trì* (Chu An), and so on, have the same rhymes in one category (similar to Chinese poems).

However, other poems contain rhymes which do not belong to only one category like Chinese poems. This is a difference between Chinese poems and Vietnamese Confucian poems. Some examples are *Cảm hoài* (Đặng Dung) and *Hàm tử quan* (Nguyễn Mộng Tuân), in which 4 rhymes belong to one category and one rhyme belongs to another category.

As can be seen, Vietnamese Confucian poems conform to strict rhythm rules of Chinese poems, but sometimes they are flexible in the Vietnamese style. The rules of Tang poetry are Vietnamized in terms of rhymes, the number of words in a line, and so on, especially in the Nom poems. Some poets were creative when they used the six- word poems in such poems as *Nhàn cư lục ngôn đề thủy mặc trường tiểu cảnh* (Phạm Mại), *Tặng Tư Đồ Nguyễn Đán* (Trần Khản), and others. The mix of seven word lines and six word lines in a poem was successfully used by Nguyễn Trãi: “*Dưới công danh nhiều thác cả (7); Trong ẩn dật có cơ mưu (6)*” (*Bảo Kính cảnh giới*, 3). It can be said that this is an experiment to build the Vietnamese genres later.

Vietnamese Confucian poetry was considerably influenced by Chinese poetry in terms of genres, due to conceptions about conformity in Confucianism. However, the nationalism in the absorption and Vietnamization of Chinese poetry created the Vietnamese genres of Confucian poetry. In different periods of history and culture, Vietnamese Confucian poetry underwent changes and highlighted different genres. In fact, genres of poetry were under the influence of ideologies and social spirits. For this reason, the absorption of genres of poetry in different areas and periods was characterized by distinctive adaptations.

In Vietnamese poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century, the rules of Tang poetry were adopted flexibly with only the rhymes, not the categories of rhymes as in China. The lack of rhyming in lines 1, 3, 5, 7 was very



popular. The 3 – 4 tempo which was often seen in Confucian poetry was different from Chinese poetry. Derivatives of Tang poetry were rarely used during this period.

In the Lý dynasty, four - line poems were popular, possibly because they were short. This influenced the ways of thinking and writing of Thiền poets (the strictness of tones in gathas was not as high as in the eight – line poems). By the 15<sup>th</sup> century, the proportion of four - line poems declined while that of eight – line poems increased. Awareness of rituals and the development of aesthetics encouraged poets in the Trần dynasty to favor the eight – line structure.

The favor of different genres in different periods of time is a characteristic of Confucian poetry.

### 3.2. Linguistic expressions

Linguistic expressions in Confucian poetry are an interesting and complicated issue. Within the scope of the thesis, only the characteristics of the linguistic expressions used in Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century are explored. In fact, linguistic expressions in poetry always play an essential role in the shaping of the character of a poetic movement.

The intention to Vietnamize Confucianism in Vietnam changed China's Confucianism and created Vietnamese conceptions about Confucianism. The linguistic expressions related to Confucianism in Vietnamese Confucian poetry did not illustrate Confucianism. On the contrary, they reflected Vietnamese souls. The originality in these poems is the combination and fusion of Chinese Confucian expressions and Vietnamese language. Though Confucian poetry is characterized by linguistic expressions related to Confucianism and derivatives of Confucianism, most of its linguistic expressions are Vietnamese.

Among 280 linguistic expressions and citations of ancient tales related to Confucianism during a period of 100 years, 58 tales were extracted from popular classics and literature of Confucianism, 48 expressions were related to Confucian conceptions, 11 related to famous Confucian scholars, 22 related to literature, 40 related to social events, and 16 related to legends.

Confucian linguistic expressions are a combination of formal and colloquial linguistic expressions. In his poems, sometimes Nguyễn Trãi was very formal in his linguistic expressions: “*Humanity, ethic, and loyalty must be strictly observed*” (*Bảo Kính cảnh giới, 4*), or “*Moderation must be maintained at all times*” (*Bảo Kính cảnh giới, 2*). However, his words were colloquial and rustic in other poems: “*I'd like to grow some water spinach in a mandarin's pond; Here's Buddha's land, I'll deposit some malabar spinach*” (*Thuật hứng, 23*).

In addition, there are approximately 305 expressions related to classical Vietnamese in *Quốc âm thi tập*. Through these expressions, it can be seen that the Vietnamese elements account for an important proportion in Confucian poetry. In *Quốc âm thi tập*, there is a high frequency of such colloquial words as: *tua, bui, liễn, nẻo, lánh, hiềm, ngặt, khuây...*

Linguistic expressions in Confucian poetry reflect the relations between “*Văn*” and “*chất*”. “*Chất*” means ideology and contents of poems. “*Văn*” has a lot of meanings, including the beauty of the human nature, the spiritual culture of

intellectuals, and so on. In this context, “văn” means the form of the poems – the linguistic expressions.

Linguistic expressions in Confucian poetry have profound meanings. Though simple, they are greatly expressive. They “can refer back to the past and imply so much through metaphor”. For instance, in the poem entitled *Tảo mai (Visiting the apricot tree) (Trần Khản)*, the idea “*Seeing a friend after such a long time, I can still recognize his will of ice and snow*”. The apricot flower has a symbolic meaning, implying an old friend, a beautiful woman, or a hero. In some cases, it is merely a flower.

Though under the influence of Confucian ideology, linguistic expressions in Confucian poetry are generally pure, transparent, and suitable with Vietnamese nationalism. Nevertheless, there are some limitations. Linguistic expressions in Confucian poetry are more inclined to the academic world, because sometimes they are prone to the citation of classic tales and classic events, or symbolic, metaphoric and moral.

### 3.3. Tones

Tones of poems cannot be attributed to any specific elements but to the whole works of art.

#### 3.3.1. The tone of mightiness

Confucian poetry is characterized by its various tones. They are indicators of Confucian poems. A typical tone in Confucian poetry is the tone of mightiness.

The tone of mightiness – popular among Confucian scholars – includes the appreciation of ethic, ritual, and determination. The tone of compassion is an aftermath of the tone of mightiness. The poem entitled *Chu trung ngẫu thành (Úc Trai thi tập – Nguyễn Trãi)* expresses a tone of enthusiasm: “*Setting off for a battle on a lonely boat, onLy with books, swords, and determination*”. In general, Confucian poetry contains determination and enthusiasm of the heroes who were ready to sacrifice for the country’s ideals and the people. There are successive generations of poets with the tone of mightiness. Đặng Dung and Lưu Thường expressed the will and determination of losing heroes: “*Even we have to die, die as loyal and ethical heroes*”. (*Tuyệt mệnh thi – Lưu Thường*).

The tone of mightiness is imbedded in every word and sentence as well as in the art of numerous Confucian poems. It is depicted in the fast and urgent or slow and relaxing tempo of the poems. It is a structural element of poems.

#### 3.3.2. The tone of elegance

Originating from the sense of elegance, the tone of elegance (elegant, decent, and moderate) also accounts for a great proportion of Confucian poetry.

The tone of elegance originates from the anthology of elegant poems in the Zhou Dynasty (*Quốc phong, Nhã tụng* – two sections in the *Classic of songs/poetry*). On the seven<sup>th</sup> night of July (Lunar calendar) for loving people, a poet looked at the sky and saw “*the clouds on the river of early moonlight look like a tree ; the moon on the bridge of stars looks like a hook*” (*Thất tịch – Phạm Nhân Khanh – Translated by Đinh Văn Cháp*).

Even the bush of celery and the traces of a bird were made elegant: “*The pollen on the branches weighs down the bee’s antennae; the mud from the bush of celery scents the traces left by the swallows*”. Sometimes the elegance became extreme, but it is a typical characteristic of Confucian poetry. The tone of elegance gives readers various feelings.

### 3.3.3. The tone of purity

Tu Khong Do called the tone of purity the “superhuman tone”. This tone is popular in the poems written by retreated Confucian scholars.

Normally, this is the dialogue and interaction between poets and ancestors or saints. Readers can discover the beauty of elegance and purity in the use of words: “*Physically I am alone in the mountains, my heart is as Tranquil as the surface of a deep well*” (*Xuân đán*– Chu An). In another poem, the poet used the “*snow water*” to imply purity: “*Saying goodbye to the earthly life, I make tea with snow water; looking for elegance, I enjoy the pure tea early in the morning*” (*Ngôn chí, 1- Quốc âm thi tập* – Nguyễn Trãi). Readers can enjoy pure, simple and elegant ideas in these poems. Many Confucian poems have the similar tone.

### 3.3.4. The tone of heroism and sadness

This tone depicts the intellectuals’ feelings before social events. Though they sound sad, these Confucian poems do not lose their power. In contrast, they contain the resistance of the intellectuals’ self-assertion before the social conflicts.

The tone of heroism and sadness in Confucian poetry is the reflection of intellectuals’ character in a chaotic society: “*I cure all people while I am so sick; I help all people grow fat while I am skinny*” (*Tư Đồ cổ cư* – Nguyễn Tử Thành). This idea expresses a noble humanity. Heroes always advance even when they confront difficulties. Nevertheless, society gave them moments of extreme sadness when they were unable to help the country. This is a tragedy of enthusiastic heroes in social conflicts.

The tone of heroism and sadness became the endless sympathy for human sufferings and disrespected characters. Through they were mandarins, they considered themselves as “*a flower in the bullshit*” (*Mộ xuân Diễm Châu cảm tác* – Nguyễn Thiên Tích). The tone of heroism and sadness was the torture and the agony of Confucian scholars in life; they pitied others and themselves. These are the feelings of Vietnamese Confucian scholars. Their belief in the Confucian culture enhanced their tone of heroism and sadness.

## 3.4. The human subjects – Confucian scholars

The human subjects in Confucian poetry are classified as *dignity humans* and *context humans*. These two criteria lead to an easy classification and help avoid overlapping.

### 3.4.1 Dignity humans

Dignity humans can be identified based on criteria of human qualities. In Confucian poetry, dignity humans include heroes, ethical humans, universal humans, humans in rapport with saints, and in some cases, even beautiful women were subtly mentioned as dignity humans.

A large number of poems are from the heart, the noble, active and natural devotion of Confucian poets. However talented they were and wherever they were,

Confucian scholars were always worried: *“Though I’ve been up the hill and down the dale, my heart is still in the troubled place. Though I have no talents, I still worry for life before others do.”* (Hoành Châu – Nguyễn Đình Mỹ). According to ancient conceptions, poetry had to record history, travels in nature, romances, landscapes, or to be more specific, poetry was also about love, losses, mourning, and so on. Romantic poems account for a modest part in Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century.

Dignity poets often created their works of art when their hearts were pure, or when they faced ancestors and saints. Loyal subordinates, heroines, retreated scholars, and so on, are the ones in the most ideal rapport with saints. This is also an elite of the development of character over the centuries.

### 3.4.2. Context people

Apart from the above -mentioned types of dignity people, Confucian poetry also include types of "context" people. Depending on specific contexts, the human images in Confucian poetry show their characters and these are identified. In Confucian poetry, the popular types of context people include retreated people and lonely wanderers.

In order to show their buried feelings and justify their attitudes toward life, a poet wrote: *“I’ve been bleeding for life like a bird for three springs. My heart is like the moon in my birthplace though I’m miles away”* (Quân trung tác – Trần Nguyễn Đán – Translated by Hoàng Khuê). For a long time, the hero worried for the common cause, not knowing that the long night was over: *“I stay up late every night to think about society”* (Thuật hứng, 23- Quốc âm thi tập). The Oriental heroes often interacted with ancients people and saints, while Occidental heroes interacted with beautiful women and aesthetic love.

Retreated people are the result of harmonious people. In Confucian poetry, retreated people often longed for freedom, which is a depiction of the thoughts of freedom in ancient literature. The retreated people who lived a leisure and free life in Confucian poetry were in interaction with other ideologies as well, which enriched their thoughts about “leisure”.

On the other hand, some Confucian poets showed their clear-cut attitude: *“We just discuss what to do for the country. It’s no use to dream about the wonderland.”* (Du hò – Nguyễn Mộng Tuân – Translation in Hoàng Việt thi tuyển). This is the distinctive style which is different from the dream about the wonderland of Trần Chu.

## 3.5. ARTISTIC SPACE AND TIME

### 3.5.1. Immense space and time

Normally, Confucian poetry contains paintings, and landscapes are very important.

Confucian poets approached reality through their Transparent and pure looks. They described the flowing and changing time, yet they always paid attention to the order and circulation of time. Confucian poets followed natural forces, accepted change, and immersed themselves in time. As a result, time was perceived at a

moment of stillness, when it interacted with the immense space, so that poets could admire nature and create works of art full of emotions. In these poems, the universe was relatively stable, and humans were the centre of the universe.

Poets' emotions emerged from the time the poets "climbed the mountain", "returned home in the boat", "drifted in a small boat", "gained speed in the strong wind", "rowed the boat along the shore", "rested in the boat at twilight", and so on. The people in these contexts perceived the vast space, admired the immenseness and immersed themselves in the eternity. This is when humans and the universe interacted in the limitless time and space. This is because returning to nature is the elegant style of Confucian scholars.

### **3.5.2. Natural time and changing space**

Time passes emotionlessly, yet in poetry, time bears emotions. In Confucian poetry, the natural time and the changing space met frequently. Sometimes, Confucian poets had to undergo harsh realities during a lifetime.

In Confucian poetry, there are eventful realities, deserted and devastated scenes of the old dynasties, and the changing everyday life. Sometimes natural time could be easily perceived through natural space. They are the moments when the poets were waiting for the moon to come up, when they saw the full moon, the crescent on the mountain, or the sun at twilight. To them, the changing space was emotional, landscapes were not merely landscapes; landscapes were emotions.

## CONCLUSION

Confucian authors contribute greatly to Vietnamese literature and Vietnamese society. Particularly, Confucian poetry has an important position in the country's history of literature during the Middle Age. It contributes to the shaping of the character of Vietnamese poetry in the regional culture.

In comparison with Chinese poetry, Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century is not as diversified, yet it still has an important position. As Phạm Đình Hổ remarked, in the second half of the 15<sup>th</sup> century, Vietnamese poetry is “*sophisticated, pure, extremely stylish and compatible to the poetry of the Han and Tang dynasties in China*” (*Thế thơ - Vũ trung tùy bút*). From the Hồ dynasty to the Đại Bảo dynasty (King Lê Thái Tông 1440 - 1442), Vietnamese poetry “*still kept the tradition of the Trần dynasty, but it lost its own character*”. As can be seen, Nguyễn Trãi tried hard to restore and continue the culture of the Lý – Trần dynasties. Consequently, our predecessors appreciated Vietnamese poetry in the late 14<sup>th</sup> century more than in the early 15<sup>th</sup> century, and this century of poetry bears a lot of similarities to poetry of the Han and Tang dynasties in China. In general, Confucian poetry contains a lot of humanity, ethic, and morality, and it focuses on social events. These are the core of Confucian poetry.

Vietnamese Confucian poetry underwent a lot of changes, and it was enriched by a lot of generations with their own Confucian characteristics. In order to study Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century, we should not only focus on characteristics of history, society, philosophy, aesthetics and its formation and development process but also on poetic characteristics of this movement of poetry. The characteristics of Confucian poetry can be identified on the basis of its contents and artistic styles.

In terms of contents, the thesis tries to focus on major inspirations and major themes of this movement of poetry. Patriotic inspirations, the nationalistic pride, the harmony and appreciation of nature, and the moral inspirations contribute to the distinctive character and style of Confucian poetry. Confucian poetry during this century mentions a diversity of topics. They are the thoughts about the country, people, morality, and ethic. They also include the various feelings of Vietnamese Confucian poets for political events, their fatherlands and themselves. Vietnamese Confucian poetry raises the powerful, sincere and familiar voice of Vietnamese souls.

In terms of artistic styles, the thesis focuses on humans, space, time, the genres and the tones of Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century. Though simulating experience and methods of Chinese poetry, Vietnamese Confucian poets adapted them on the foundation of the Vietnamese language, Vietnamese landscapes, Vietnamese people – Vietnamese Confucian scholars. Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century simulated the genres of Chinese poetry, yet they were flexibly simulated, and even Vietnamized and changed considerably. Concerning tones,

Vietnamese Confucian poetry during this period is dynamic, pure, and positive, which is greatly different from the tones of Confucian poetry in the later period.

Characteristics of Vietnamese Confucian poetry from the mid – 14<sup>th</sup> century to the mid – 15<sup>th</sup> century can be clarified when Confucian poetry is contrasted with Thiên poetry – its predecessor – and Confucian poetry in the later period.

Finally, the concentration of Confucian poetry may be Confucian scholars' thoughts about politics and society. They are the subtle messages that the poets wanted to send to the rulers and the mandarins. These messages are all about humanity, ethic, for- the- people policies, moral self – improvement of poets and of society. Only morality can bring success to the national defense. With these contents, Confucian poetry always give later generations surprising and touching emotions.

In addition, thoughts about politics, the royal lifestyles and the poets' codes of conduct are the foundation for a large number of contents of Confucian poetry. Confucian poets expressed their love for the country and the people, highlighted ethic and morality, showed their feelings for the social events or their inner solitude. These themes are the basis of the poets' pure, noble feelings, the nature of true Confucian scholars, and the crucial composition of Confucian poetry.

Possibly for those reasons, Confucian poetry normally highlight morality and ethic and convey moral and ethical messages. Though it is not as flowery as romantic poetry, or as urging as political poetry, Confucian poetry has its own character – elegant, simple, yet memorable for later generations.